



**bantindunglac@gmail.com Số 14 – 01.04.2009**

**Chủ đề : Công giáo sáng lập chữ quốc ngữ**

## **Nội dung:**

### **CHỦ ĐỀ : CÔNG GIÁO SÁNG LẬP CHỮ QUỐC NGỮ**

1. LỜI NGỎ
2. Giáo sĩ Đắc Lộ và việc hình thành chữ quốc ngữ / Nguyễn Khắc Xuyên
3. Tập « Lịch sử nước Annam » viết bằng chữ quốc ngữ năm 1659 / Đỗ Quang Chính, S.J
4. Công cuộc truyền giáo của Dòng Tên tại Việt Nam và tiếng Việt / Giáo sư Jacques Roland
5. Chữ quốc ngữ đã được công giáo khai sinh năm 1651 / Trần Văn Cảnh

### **CHUẨN BỊ NĂM THÁNH 2010**

6. Thư của Đức cha Chủ tịch HĐGM VN về Năm Thánh 2010 của Giáo Hội Việt Nam / Phêrô Nguyễn Văn Nhơn
7. Đại hội tu sĩ toàn quốc lần III tại Tòa Giám mục Bùi Chu / Ánh Sao Xưa
8. “Người thừa sai trên cánh đồng sứ vụ”: Hội thảo của Ủy ban Loan báo Tin Mừng – Hội đồng Giám mục Việt Nam / Ban Thư ký UB. LBTM

## **CÔNG GIÁO sáng lập chữ quốc ngữ**

## **LỜI NGỎ**

Đến Việt Nam từ năm 1615, các tu sĩ dòng TÊN đã rao giảng Phúc Âm, với một kết quả rất tốt đẹp. Trong tập « Lịch sử nước Annam » viết vào năm 1659 tại Thăng Long, thầy giảng Bento Thiện cho biết lúc đó đã có 340 « nhà thánh thờ Đức Chúa Trời ». ((Đỗ Quang Chính, Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659, Ra khơi : Sài gòn 1972, tr. 129)

Ngoài việc rao giảng Phúc Âm, các tu sĩ Dòng Tên còn mang lại cho văn hóa Việt Nam một dụng cụ vô cùng quý giá, nhờ đó toàn dân Việt hiện nay hầu như không còn ai mù chữ, và cũng nhờ đó mà dân ta được giải thoát khỏi vòng kìm kẹp của chữ nho và ách nô lệ văn hóa trung quốc mà đi vào văn hóa tự do bình đẳng dân chủ công bình và chân lý khách quan khoa học toàn cầu hiện nay. Đó là chữ QUỐC NGỮ.

Trong số 14\_010409 này, Bản Tin Dũng Lạc xin giới thiệu cùng độc giả công trình tập thể của các tu sĩ Dòng Tên với sự tham gia của các giáo dân Việt Nam vào việc sáng lập chữ quốc ngữ. Năm 1651, cha Đắc Lộ đã cho xuất bản hai cuốn sách quốc ngữ đầu tiên : cuốn Tự điển Việt-Bồ-Latinh và cuốn Giáo lý. Năm 1651 có thể được coi là năm mà chữ quốc ngữ được khai sinh.

Xin mời bạn đọc theo dõi một vài phân tích, giới thiệu việc sáng lập chữ quốc ngữ. Bốn nhà nghiên cứu sẽ đến nói chuyện với quý vị : Gs Nguyễn Khắc Xuyên, Gs Lm Đỗ Quang Chính, sj, Gs Lm Jacques Roland và Gs Trần Văn Cảnh. Một số những bài này, nếu muốn đọc đầy đủ, bạn đọc có thể tìm được dễ dàng trên mạng lưới : <http://www.dunglac.org/>

Cũng xin thưa cùng bạn đọc rằng : Kể từ tháng 12 năm 2008, Bản Tin Dũng Lạc đã mời bạn đọc hướng về một biến cố công giáo quan trọng bậc nhất ở đầu thế kỷ XXI này là việc Giáo hội Việt Nam tổ chức « Năm Thánh cùng Đại Hội Dân Chúa Việt Nam 2010 », và cùng với Giáo Hội « Nhìn lại quãng đường lịch sử gần 500 năm truyền giáo qua 3 thời kỳ: 126 năm Bảo Hộ (1533-1659), 300 năm Tông Toà (1659-1960), đặc biệt là 50 năm Chánh Toà (1960-2010) ».

- Bản tin Dũng Lạc, số 9 & 10, ngày 01.12.2008, đã trình bày tổng quát về « Năm Thánh cùng Đại Hội Dân Chúa Việt Nam 2010 ».
- Bản tin Dũng Lạc, số 11, ngày 01.01.2009, đã giới thiệu tổng quát về « Giáo hội Việt nam thời Bảo hộ 1533-1659 ».
- Bản tin Dũng Lạc, số 12, ngày 01.02.2009, đã đề cập đến khía cạnh thứ nhất của thời kỳ Bảo Hộ là việc « Thành lập các Cộng Đoàn Công giáo đầu tiên tại Việt Nam THỜI BẢO HỘ 1533-1659 ».
- Bản tin Dũng Lạc, số 13, ngày 01.03.2009, đã giới thiệu khía cạnh thứ hai của thời kỳ Bảo Hộ là việc « Công Giáo hội nhập vào xã hội Việt Nam ».

Toàn Ban Biên tập Bản Tin Dũng Lạc (1) xin kính chúc quý độc giả mọi điều may lành

### **Trần Văn Cảnh**

(1). Mọi người đều có thể tự do phổ biến tất cả những bài trong BẢN TIN DŨNG LẠC, nhưng xin đề rõ xuất xứ.

### **Về Mục Lục**

### **Nhóm Chủ Trương Mạng Lưới Dũng Lạc**

**A. Liên Lạc:** Lm. Trần Cao Tường, Nguyễn Long Thao, Trần Vinh.

- email: [dunglac@gmail.com](mailto:dunglac@gmail.com) ;

### **B. Chủ Biên - Phụ Trách**

**1. Tủ Sách Dũng Lạc:** Lm. Trần Cao Tường, Nguyễn Trí Dũng, Trần Tĩnh Nguyên, Nguyễn Trường Khoan, Lê Thị Kim Loan.

**2. Văn Hóa - Biên Khảo:** Trần Văn Cảnh, Lm. Nguyễn Thái Hợp, op., Đỗ Hữu Nghiêm, Lm. Cao Phương Kỹ, Trần Văn Toàn, Nguyễn Đăng Trúc.

**3. Văn Học - Nghệ Thuật:** Lm. Trăng Thập Tự, Cao Huy Hoàng, Trần Mộng Tú, Trần Thu Miên, Quyên Di, Lê Đình Bảng, Lê Ngọc Hồ.

**4. Tâm Linh - Tôn Giáo:** Lm. Nguyễn Tâm Thường, sj., Đỗ Tân Hưng

**5. Phòng Ảnh Nghệ Thuật và Chiêm/Niệm/Thiền:** Nguyễn Đức Cung, Cao Tường, Nguyễn Ngọc Danh..

**6. Dựng Lạc Slide Show:** Vũ Thái Hòa.

**7. Bản Tin Dựng Lạc:** Lm. Phạm Văn Tuệ, Trần Văn Cảnh. email :

[bantindunglac@gmail.com](mailto:bantindunglac@gmail.com)

**8. Tin Tức Thời Điểm:** Phạm Hoàng Nghị, Nguyễn Long Thao, Trần Vinh, Anthony Lê...

**9. Webmaster:** email : [admindunglac@gmail.com](mailto:admindunglac@gmail.com)

## **GIÁO SĨ ĐẮC LỘ VÀ VIỆC HÌNH THÀNH CHỮ QUỐC NGỮ**

Có một điều mọi người đều công nhận, chữ quốc ngữ là một sự nghiệp tập thể của một số người, thuộc nhiều quốc gia khác nhau, trong đó có người Ý, người Pháp, người Bồ Đào Nha. Thế nhưng vì những tác phẩm in để lại cho chúng ta ngày nay đều là những sách do Đắc Lộ đã soạn và cho ấn hành tại Roma 1651, cho nên có một số người nói hơi quá đáng với những từ ngữ vang rền: Đắc Lộ là ông tổ chữ quốc ngữ, Đắc Lộ thủy tổ chữ quốc ngữ, Đắc Lộ sáng tạo ra chữ quốc ngữ, mặc dầu trong lời tựa của cuốn Từ điển Việt Bồ La, ông viết bằng tiếng Latinh và cho biết: sở dĩ ông soạn được Từ điển này là nhờ vào ba sự việc: thứ nhất là ông đã được học tiếng Việt với giáo sĩ De Pina là một người rất tinh thông tiếng Việt, người Bồ thứ nhất giảng mà không cần thông dịch viên, thứ hai ông đã sử dụng hai tác phẩm viết tay, một Từ điển Việt Bồ của Gaspar d'Amaraal và một Từ điển Bồ Việt của Barbosa, hai ông này đã mất sớm, thứ ba ông đã lưu trú tại Việt Nam cả thảy 12 năm.

Thực ra nếu trừ những cuộc hành trình đi đi về về hoặc tạm trú ngụ tại Phi Luật Tân hay Macao, thì thời gian ông sống ở cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài chừng tám năm rưỡi. Vì năm 1651 là năm phát hành ba tác phẩm quốc ngữ của Đắc Lộ, trước đây và sau đây không có tác phẩm in nào, cho nên người ta đã lấy năm 1651 làm cái mốc để khảo cứu về chữ quốc ngữ và phân chia các thời kì thành lập: tiền Đắc Lộ và hậu Đắc Lộ.

Chúng tôi không nói tới những biên khảo của nhiều tác giả Pháp cũng như Việt từ trước cho tới những năm 1960. Chúng tôi phải để ý tới công trình sáng lạn của Đỗ Quang Chính, năm 1972 đã cho phát hành cuốn Lịch sử chữ quốc ngữ ở Sài Gòn. Theo Đỗ quân thì có thể Gaspar d'Amaraal giỏi hơn Đắc Lộ, Đỗ quân còn khẳng định là khác.

Điều này làm cho chúng tôi suy nghĩ tìm tòi thêm, nhất là suy nghĩ. Và chúng tôi thấy phải đặt lại vấn đề và sau đây là lai lịch những sự kiện và những chứng cứ chúng tôi sẽ đưa ra khi nói sơ lược về những tác phẩm của Đắc Lộ về chữ quốc ngữ.

### **I. Tiếng Đàng Trong và tiếng Đàng Ngoài**

Nước Việt Nam chỉ là một, và tiếng Việt Nam cũng chỉ là một, chung cho cả Nam Bắc. Thế nhưng vào thế kỉ 17, Đất Nước bị chia đôi do hai nhà họ Trịnh và họ Nguyễn tranh giành nhau, viện cố phò nhà Lê. Đó là một, nhưng về ngôn ngữ thì có hai cách phát âm khác nhau, giọng Đàng Trong và giọng Đàng Ngoài, đó là hai. Vì thế chúng tôi tạm dùng "tiếng Đàng Trong, tiếng Đàng Ngoài" cho dễ diễn giải.

Lớp giáo sĩ Dòng Tên đầu tiên tới xứ ta thì đã đến Đàng Trong dưới thời Nguyễn Phúc Nguyên năm 1615, Nguyễn Hoàng mất năm 1613. Cha Buzomi người Ý cùng đi với một thầy

trợ sĩ người Nhật. Cha đã học rất tinh thông tiếng Nhật chủ ý đi truyền giáo ở Nhật, nhưng vì có cấm đạo rất ngặt nên cha mới được phái tới Đàng Trong. Cũng phải nói là ở Macao Dòng Tên đã nghiên cứu tiếng Nhật và cũng đã dùng tự mẫu Latinh để phiên âm tiếng Nhật. Các sách viết bằng thứ tiếng này được gọi là "romaji", vi"romaji", viết bằng chữ "Roma", cuốn Yêu lí cơ bản in năm 1592.

Như thế có nghĩa là cha Buzomi và thầy trợ sĩ người Nhật đã biết tới cách dùng chữ Latinh để phiên âm tiếng Nhật. Vì tuổi tác đã cao, nên cha Buzomi không học được tiếng Việt đến nơi đến chốn, cha vẫn phải dùng tới thông dịch viên để giảng. Mà thông dịch viên người Việt lúc đó cũng chỉ biết qua loa vài ba tiếng Bồ mà thôi. Cho nên mới có câu ngộ nghĩnh hỏi người ta có muốn theo đạo Kitô thế này: "con nhỏ muốn vào trong lòng Hoa Lan chăng?". Thấy vậy, Bê trên ở Macao phái lớp giáo sĩ trẻ tuổi hơn. Năm 1617 De Pina được phái tới Đàng Trong. De Pina cũng đã tinh thông tiếng Nhật, nhưng vì còn trẻ nên học rất nhanh và đã giảng mà không cần thông dịch viên. Năm 1618 khi cha Borri tới thì đã thấy De Pina giảng trực tiếp cho người Việt. Borri rất thán phục và nhắc tới sự việc này. Còn Borri biết tiếng Việt, nhưng khi phải dạy giáo lí, thì vẫn còn lúng túng. Borri cũng là người đầu tiên viết về những nhận xét về tiếng Việt Theo Tường Trình của Gaspar Luis viết từ Macao năm 1621 thì người ta được biết ở Đàng Trong đã có một cuốn toát yếu giáo lí soạn bằng tiếng Đàng Trong. Hẳn cuốn này được viết bằng chữ nôm và hẳn cũng có bản quốc ngữ tiện cho các giáo sĩ ngoại quốc. Chắc chắn là De Pina đã làm việc này vì ngoài ông ra không ai thông thạo bằng. Năm 1624 khi Đắc Lộ tới Đàng Trong thì cũng nhận thấy De Pina rất giỏi tiếng Việt. Đắc Lộ rất ca ngợi người đồng nghiệp này và công nhận De Pina là người Bồ đầu tiên, người ngoại quốc đầu tiên giảng mà không cần thông dịch viên. Chính De Pina dạy tiếng Việt cho Đắc Lộ (chứ làm gì có trường như bây giờ, kẻ đi trước dạy người đi sau mà thôi). Đắc Lộ cũng học với một cậu bé người Đàng Trong sau này theo đạo lấy tên là Raphael Rhode (chính là tên Đắc Lộ). Đắc Lộ vừa là thầy dạy tiếng Latinh và tiếng Bồ cho Raphael, vừa là học trò học tiếng Việt với Raphael. Đắc Lộ có kể rõ trong Hành Trình và Truyền Giáo. Cũng năm 1624 (hoặc 1625) có giáo sĩ Gaspar Luis, người đã soạn Tường Trình khi ở Macao như đã nói ở trên.

Có một nghi vấn chúng tôi đặt ra, khi Maracci viết Tường Trình năm 1649 kể việc truyền giáo Đàng Ngoài mà lại nói:

"Cha Gaspar Luis người Bồ đã lâu năm ở trong khu truyền giáo này, cha đã soạn một cuốn ngữ vựng rất đầy đủ về ngôn ngữ này, nhưng cuốn sách đã mất trong một vụ đắm tàu vì người ta gửi sách đó từ Xứ Đàng Ngoài về Macao, và nay không còn bản nào đầy đủ hơn".

Điều nghi vấn là Gaspar Luis không ở Đàng Ngoài. Ông tới Đàng Trong năm 1625 và bỏ Đàng Trong năm 1639. Vậy thì cứ nhận là ở Đàng Trong với De Pina, với Gaspar Luis sau này, đã có cuốn từ vựng Đàng Trong kể từ thời kì này rồi. Năm 1626 khi Đắc Lộ được gọi ra Đàng Ngoài thì ông đã rất thông thạo tiếng Đàng Trong và ngày 19 tháng 3 năm 1627 khi cập bến cửa Bạng ở Thanh Hóa, lần đầu tiên, ngày hôm ấy, ông đã dùng tiếng Đàng Trong giảng cho người Đàng Ngoài. Rồi từ 1627 tới 1630 Đắc Lộ vừa được tiếp xúc với Kẻ Chợ và học hỏi thêm, vừa dùng tiếng Đàng Trong để giảng cho người Đàng Ngoài. Người ta không dễ dàng một sớm một chiều thay được giọng nói, nhất là đối với một người ngoại quốc.

Cuối năm 1629 khi Đắc Lộ bị Trịnh Tráng ra lệnh trục xuất thì có giáo sĩ Gaspar d' Amaral tới "cứu viện" nhưng để rồi cả hai cùng về Macao năm 1630. Cho tới năm 1631 Gaspar d' Amaral mới chính thức tới Kẻ Chợ và hoạt động cho tới năm 1638 thì về Macao. D' Amaral đã mất trong vụ đắm tàu, tàu chở đoàn giáo sĩ từ Macao tới Đàng Ngoài: đó là ngày 23-12-1645.

Như vậy Gaspar d'Amara đã có hai cái thuận lợi, một là được hưởng cái vốn liếng học hỏi tiếng Đàng Trong từ 15 năm trước đây ở Đàng Trong với những Buzomi, Borri, De Pina, Đắc Lộ, Gaspar Luis..., hai là được học trực tiếp ở Kẻ Chợ thủ đô. Tiếng nói ở đây không phải như tiếng nói (đúng hơn giọng nói), miền Quảng Bình, Quảng Nam và Bình Định. Cho nên cách ghi âm, phiên âm phần nào cũng dễ dàng hơn, dứt khoát hơn. Cho nên khi cho người này giỏi hơn người kia hoặc Gaspar d'Amara giỏi hơn Đắc Lộ thì chưa xác đáng. Nếu xem ra bản viết tay của D'Amara năm 1632 khá hơn bản viết tay của Đắc Lộ năm 1636, thì cũng không thể khẳng định là D'Amara giỏi hơn Đắc Lộ, bởi vì Đắc Lộ đã học tiếng Đàng Trong với lớp người đã học tiếng Đàng Trong từ 1615 như Buzomi (1615), De Pina (1617), Borri (1618), với một cậu bé Đàng Trong là Raphael (1624). Cuốn Từ điển Bồ Việt của Gaspar d'Amara đã thất lạc, thủ bút của D'Amara còn quá ít ỏi, không cho phép chúng ta khẳng định như thế. Chúng tôi nói "thất lạc", chứ nếu nói "tiêu diệt" thì lên án một ý đồ mà không có bằng chứng. Dầu sao, cũng còn phải có trong tay tác phẩm của D'Amara đã, để ghi nhận sự đóng góp không nhỏ của ông, còn về việc cho ông giỏi hơn Đắc Lộ thì cũng chưa có bằng cứ xác đáng. Bởi vì không những Đắc Lộ soạn Từ điển nhờ vào tác phẩm của D'Amara, mà còn viết một cuốn Ngữ pháp tiếng Việt và một Phép giảng tám ngày nữa, chúng tôi sẽ vấn tắt bàn giải sau đây.

*Tác giả Nguyễn Khắc Xuyên*

(Nguồn : <http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=44&ict=839>)

## **TẬP "LỊCH SỬ NƯỚC AN NAM" VIẾT BẰNG CHỮ QUỐC NGỮ NĂM 1659**

Chúng ta đều biết rằng, chữ Việt ngày nay đã do nhiều linh mục dòng Tên ở Việt Nam sáng tác vào đầu thế kỷ 17, còn người có công xuất bản đầu tiên (năm 1651) hai cuốn sách chữ quốc ngữ mới là linh mục Đắc Lộ. Ngoài ra, chúng ta cũng nói được rằng, nhiều thầy giảng Việt Nam đã giúp các linh mục dòng Tên hoàn thành chữ quốc ngữ mới và chính các ông là những người Việt Nam đầu tiên học và truyền bá lối chữ này cho đồng bào mình, mặc dầu rất hạn hẹp.

Trong các bản văn chữ quốc ngữ mới do người Việt Nam viết vào giữa thế kỷ 17, có ba bản văn viết tay rất quý giá, hiện lưu trữ tại Văn khố dòng Tên ở La Mã. (1)

Thứ nhất là bức thư của thầy giảng Igesico Văn Tín viết tại Đàng Ngoài ngày 12-9-1659 và đã nhờ tàu buôn Hòa Lan trao cho linh mục dòng Tên G.F.de Marini lúc đó về La Mã (mới bị trục xuất khỏi Đàng Ngoài năm 1658) (2). Bức thư này gồm hai trang giấy: trang một viết trong khổ 16\*24cm, trang hai trong khổ 16\*9cm, vì trang này chỉ có 11 dòng chữ. Thầy Văn Tín viết chữ tương đối thưa. Tác giả "làm thư" này để thăm Marini; trong thư ông bày tỏ lòng thương nhớ linh mục rất nhiều: ơn Thài xưa dạy dỗ tởy nều đàng cho nên thàn mà rập cậi Thài cho nen chãng hai bai giờ vưang thài tởy càng buồn hơn nũa mà ước au cho được thài mặt Thài như con tlon mẹ về cho được bú bại..." (2b) (ơn Thài xưa dạy dỗ tôi nhiều đàng cho nên thánh mà rập cậi Thài cho nên chãng hay bây giờ vưang thài tôi càng buồn hơn nũa mà ước ao cho được thài mặt Thài như con trông mẹ về cho được bú vậ).

Thứ hai là bức thư của thầy giảng Biễn Đức Thiện (Bento Thiện) viết tại Đàng Ngoài (ở Thăng Long) ngày 25-10-1659 cũng gửi cho linh mục G.F.de Marini cùng một trật với thư của thầy Văn Tín. Thầy giảng Biễn Đức Thiện có lẽ đã được linh mục Gaspar d'Amara ghi tắt là Bento trong sổ bộ thầy giảng Đàng Ngoài năm 1637. Nếu đúng như thế thì năm 1637, ông mới là kẻ giảng chứ chưa có chức thầy giảng, và lúc đó ông được 23 tuổi, gia nhập đạo

Công giáo đã 10 năm (3), tức là một trong những người theo đạo Công giáo đầu tiên ở Đàng Ngoài.

Thư dài hai trang, viết chữ nhỏ: trang 1 viết trong khổ 16\*28cm, trang hai trong khổ 19\*28cm. Tác giả báo tin cho linh mục Marini về tình hình chung các thầy giảng, kẻ giảng, các giáo hữu và về hoạt động của mấy linh mục dòng Tên như Rangel, Borgès. Hơn nữa ông cũng nhắc tới việc Marini đi La Mã và ông tỏ ra mến nhớ linh mục nhiều: "... tầy làm thư nài xin cho đến Thài như bằng đợy ớn Thài bài chăng biết là tầy có đợc gặp Thài nữa chăng, vì một ngài là một xa thì tầy xin Thài nhớ đến tầy là tầy tá ở nhà các Thài tòi lại ước ao cho đợc ăn mầy nhà các Thày cho đến chết tòi là Kẽ mọn chăng đáng đến đức Thánh Papa thì xin cầu Thài sẽ làm phúc cho ăn mái cõu ấy tòi đợy ơn Thài lắm" (4). (Tôi làm thư này xin cho đến Thầy như hằng đợy Thầy vậy chăng biết là tòi có đợc gặp Thầy nữa chăng, vì một ngày là một xa thì tòi xin thầy nhớ đến tòi là tòi tá ở nhà các thầy tòi ước ao cho đợc ăn mầy nhà các thầy cho đến chết tòi là kẻ mọn chăng đáng đến đức thánh Papa thì xin công Thầy sẽ làm phúc cho ăn mầy công ấy tòi đợy ơn Thầy lắm).

Thứ ba là tập Lịch sử nước Annam có lẽ là tập Lịch sử Việt Nam đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ mới, còn đợc giữ lại cho đến ngày nay. Đây chính là tài liệu chúng tòi muốn trình bày với bạn đợc.

Tập Lịch sử này dài 12 trang giấy, chữ nhỏ li ti: 11 trang đầu viết trong khổ 19\*28cm, trang cuối cùng trong khổ 19\*6cm và chỉ có 9 dòng chữ. Tuy ở trang 12 tức trang cuối cùng, tác giả không ghi dấu gì tỏ là phần kết thúc, nhưng theo nội dung cho ta thấy có lẽ tác giả chú ý chấm dứt ở đây.

Trước hết nên biết rằng, tác giả không ký tên, không đề nơi và năm tháng soạn thảo. Tuy nhiên chúng tòi dám chắc là tài liệu này do thầy giảng Biển Đức Thiện viết tại Đàng Ngoài; vì, nếu đem so sánh chữ viết tập Lịch sử này với bức thư của Biển Đức Thiện mà chúng tòi vừa sơ lược ở trên, thì thấy giống hệt nhau. Còn về năm soạn thảo cũng vào năm 1659, và người nhận là linh mục G.F.de Marini lúc đó đi La Mã.

Sở dĩ chúng tòi dám viết như thế là vì hai bức thư trên đây của Biển Đức Thiện và Văn Tín, cùng tập Lịch sử nước Annam đợc đóng liền nhau nhất là trên đầu bức thư của Biển Đức Thiện, tác giả ghi rõ bằng tiếng Bồ Đào Nha: Ao Pe Philipe Marini (gõi cho cha Philipê Marini). Như thế cho phép chúng ta hiểu rằng, cả ba tài liệu này đợc gửi cùng một trật cho linh mục Marini vào cuối năm 1659. Hơn nữa, chính Marini đã yêu cầu Biển Đức Thiện viết cho ông một số tài liệu lịch sử Annam hầu bổ túc cho bộ sách tiếng Ý của ông về Việt Nam mà ông sẽ cho xuất bản sau này. Bộ sách gồm 5 quyển đợc in tại La Mã năm 1663, hai năm sau đợc tái bản ở Vénise, đến năm 1666 phần đầu bộ sách lại đợc xuất bản bằng Pháp ngữ ở Ba Lê. (5)

Tập Lịch sử nước Annam không đợc phân chia từng tiết mục rõ ràng tuy nhiên tác giả đã trình bày các vấn đề theo thứ tự sau đây: chính trị, xã hội, thi cử, hành chính, tín ngưỡng. (chúng tòi bỏ phần chính trị, từ truyện Lạc Long, Âu Cơ, đến cuộc phân tranh của nhà Trịnh, Mạc, Nguyễn, vì sợ dài) Riêng phần chính trị đã chiếm hết 50% tài liệu, số còn lại dành cho các phần kia, mà chúng tòi xin trích ra những điểm hữu ích hơn: Chúng tòi sẽ chuyển sang lối viết ngày nay cho dễ đợc, nhưng tuyệt đối tôn trọng cách hành văn của tác giả, kể cả dấu chấm, phết.

## I. LỊCH SỬ XÃ HỘI (6)

### 1. Lễ tiết trong năm

"Thối nước Annam, đầu năm, mừng một tháng giêng gọi là ngày tết Thiên hạ đi lậ vua đợc lậ chúa mới lậ ông bà ông vải cha mẹ, cùng Kẻ cả bề trên, quan quyền thì lậ vua chúa, thứ dân thì lậ bụt trước, ăn tết ba ngày mà một ngày trước mà xem ngày mừng hai mừng ba, ngày nào tốt, thì vua chúa đi đền giao, gọi là nhà thờ trời, hiệu thiên thượng đế, hoàng địa kì,

vua chúa đi lạy mà xin cho thiên hạ được mùa cùng dân an, đến mừng bẩy mừng tám mới hết cúng làm cỗ cho thiên hạ ăn, mười ngày, lại xem ngày nào tốt, mới mở ần ra cho thiên hạ, đi châu cùng làm việc quan cùng hỏi kiện mọi việc (...), đến hạ tuần tháng giêng, đức chúa lại tế kí đạo dưới bãi cát, làm đàn thờ, trước thì thờ thiên Chúa thượng đế một đàn, là một đàn từ vua Lê Thái Tổ cho đến nay, một đàn thì thờ Thần Kì đạo, đức chúa lạy ba đàn này đoạn đến đàn Thần Kì đạo, đức chúa lạy đoạn liền chỉ gươm cùng chém lại bản cung, đoạn lại đánh trống, mà chỉ gươm cho thiên hạ bản sứ mới đuổi đi, thì gọi là khao quân, đoạn liền về tập voi tập ngựa gọi rằng đã hết năm mới (...), đến tháng chạp ai có mồ mả cha mẹ anh em vợ chồng thì làm cỗ cùng đắp lại cho tốt cùng sạch sẽ cũng có làm cỗ mà đơm, đến gần ngày tết vua chúa ban lịch cho thiên hạ xem ngày, đến ngày ba mươi, thì đức chúa đi giội gọi là bỏ mọi sự cũ đi mà chịu mọi sự mới, đến mừng một, liền lên nêu mọi nhà..." (7)

## **2. Lễ tế chính thức**

"Bằng sự cái phép tế các nơi, đầu năm là tế thượng đế nghĩa là thiên chúa, tế Xã tắc nghĩa là tế thiên thần, tế Khổng Vân, là tế kẻ làm mưa gió, tế thánh là tế Ông Khổng, thì phủ huyện quan tế các Thần mọi nơi thiên hạ". (8)

## **3. Việc cưới hỏi.**

"Bằng phép lấy vợ, trước thì xem hai bên có đẹp lòng chẳng, thì nhà trai đi hỏi lấy trầu cau, đến mà nói cùng nhau, nhà gái có gả, thì nhà trai liền xem tuổi cùng xem số có tốt chẳng, mới đi hỏi lại, nhà giàu thì con lợn hay là bò, như của làm tin vậy, nhà khó thì cá hay là gà, trai thì đi làm về ở nhà cha vợ ba năm mà hai bên xem ý nhau, có đẹp lòng cùng hiền lành thì mới lấy, liền đi chịu lời là hẹn ngày, hoặc là bò lợn cho họ ăn, đoạn mới cưới hoặc là trọng hèn, thì cho nhà trai ăn ngày trước, đoạn liền để một bàn độc giữa nhà, có ai đi ăn cưới, cậu, cô, chú, bác, anh, em, có ai cho của gì, vàng bạc lụa tiền vải vóc các sự thì để lên bàn độc ấy cho, đoạn hai vợ chồng ra lạy họ hàng, đến ngày sau nhà gái, mới lại ăn cưới có con hát hát mừng, đoạn xem ngày nào tốt cho nhà gái mới đưa con về cho nhà trai, mới cho của cải ruộng nương tiền bạc lúa thóc trâu bò gà lợn các vật, cho con về cùng chồng, đến ngày có con để được bẩy ngày thì đơm Mộ Bà, con trai thì bẩy ngày, con gái thì chín ngày, năm sau đến ngày ấy làm cỗ cho người ta ăn gọi là ăn tôi tôi họ hàng có đi ăn thì lại cho tiền bạc ngày ấy. Vua chúa cùng nhà quan, thì gọi là Vía, đạo đức Chúa trời thì gọi là Sinh nhật, vua chúa có rước Vía, thì thiên hạ đi lạy cúng đơm của đi tiến cho vua chúa, mà người lại ban cho các con, quan thì cho áo cùng tiền quân dân thì ăn cỗ". (9)

## **4. Quan võ**

"Bằng sự chức bên vũ thần, trước thì chịu nam tước, bá tước, hầu tước, quận công, đề đốc, đô đốc, tả phủ, hữu phủ, thiếu bảo, thiếu phú, thái úy, thái bảo, thái phú, thái sư, phủ tướng, hữu tướng, phú nguyên suý, đô nguyên suý, đại nguyên suý, ấy là chức bên vũ.

"Bằng sự kén thiên hạ, thì sáu năm, mới một lần, ai già thì bỏ ra trai thì lấy làm lính đánh giặc, ai thứ nhất gọi là nhất hạng, hai là nhị hạng, ba là tam hạng (...), ai đã già thì bỏ lão nhiều ai có cha làm quan đời trước, thì cho công thân, kẻ ở chùa, cùng kẻ đi hát, thì về làng khác, thầy thuốc cùng các nghề thì có chức riêng". (10)

## **5. Quan văn**

"(...) cấp công, là coi các thợ, cấp hộ là coi các việc làng, cấp binh là coi các việc quân quốc, cấp lễ, là coi các Lễ quý thuế, cấp lại là coi các việc bên lệnh sử, lại lên chức khác, là đô công, đô hình, đô binh, đô lễ, đô hộ, đô lại, lại chức khác, là hữu công, hữu hình, hữu binh, hữu hộ, hữu lễ, hữu lại. Tả công, tả hình, tả binh, tả lễ, tả hộ, tả lại, Thượng công, Thượng hình, Thượng binh, Thượng lễ, Thượng hộ thượng, thượng chương lục bộ, thì coi hết thay thay thượng công xem việc các thợ, thượng hình xem việc bàn kiện, thượng binh xem việc quân

quốc, thượng hộ xem việc đắp đàng, thượng Lễ xem việc lễ tế thượng lại xem việc các bên Văn...”. (11)

## II. LỊCH SỬ THI CỬ

### 1. Thi hương

“(…) ba năm, lại thi một lần, gọi là hương thi, trước thi đi khảo xã, ai có hay chữ mới lấy tên, đại xã thì hai mươi người, trung xã mười lăm người tiểu xã mười người đoạn xem ai có hay chữ thì dâng sớ cho nhà huyện, thi học trò, đi khảo nhà huyện có đỗ, thi lại khảo nhà phủ, ai hơn thì cho tên nhất, gọi là ưu, thứ hai là tứ tràng, thứ ba là tam tràng, đoạn mới họp lại làm một xứ là một tràng mà thi, có quan giữ áp tràng, bên Văn thì quan tân sĩ, bên vũ thì quan đô đốc, công dân đàn cùng nha Ti, nhà hiến, mà học trò vào tràng thứ nhất gọi là Kinh nghĩa, khảo sách mười ngày, liền ra bảng cho thiên hạ xem tên ai đỗ thì ở lại mà thi. Ngày sau gọi là tràng Lục, ai đỗ ngày Lục, thì lại vào ngày phú, đỗ ngày phú, thì gọi là sinh đồ, lại thi một ngày nữa gọi là ngày sách ai đỗ ngày sách, thì gọi là hương cống”. (12)

### 2. Thi Hội

“Đến năm sau những kẻ hương cống, mới ra thi ngoài Kê Chợ trong đền, có vua chúa quan triều cùng thiên hạ đi ngày ấy, thì gọi là hội thi, ai đỗ bốn ngày mới gọi là tân sĩ, liền ra bảng, cho thiên hạ biết những quan tân sĩ ấy, liền đi lại vua chúa, đoạn lại về học, một tháng mới thi lại, ai thuộc chữ hơn đứng thứ nhất gọi là trạng nguyên, thứ hai là bảng nhãn, thứ ba là thám hoa, thứ bốn là hoàng giáp, thứ năm là chính tân sĩ, thứ sáu là đồng tân sĩ, ngày sau chúa cho đi làm quan các xứ”. (13)

## III. LỊCH SỬ HÀNH CHÍNH (14)

### 1. Sớ phủ, huyện ở các Xứ

“Bây giờ kể các xứ Thanh hoá nghệ an quảng nam Thuận hoá đông tây nam bắc.

Thanh hóa có bốn phủ, mười bảy huyện cùng có ba chu (...)

Nghệ an Xứ chín phủ mười hai huyện hai chu (...)

Thuận hoá hai phủ, bảy huyện, ba trăm bốn mươi một xã, bảy mươi ba sách.

Bổ chính sáu mươi xã bốn mươi trại.(...)

Quảng nam Xứ bốn phủ, bảy huyện hai trăm mười tám xã, ba mươi bốn trại. (...)

Hải dương Xứ, bốn phủ bảy huyện hai trăm tám xã ba mươi bốn trại (...)

Sơn tây Xứ sáu phủ bốn huyện hai chu (...)

Kinh bắc Xứ bốn phủ hai mươi huyện (...)

An ban Xứ một phủ ba huyện tám mươi bốn xã, một trăm hai trại (...)

Kênh sơn Xứ một phủ tràng Kênh phủ bãi chu một trăm ba mươi một xã hai mươi sáu trại.

Thái nguyên Xứ phủ bằng phủ bảy huyện hai chu, một trăm hai mươi bốn xã một trăm ba mươi trại (...)

Cả và thiên hạ năm mươi một phủ, một trăm bảy mươi hai huyện, bốn mươi tám chu, bảy nghìn chia trăm tám mươi bảy xã”.

### 2. Riêng Sơn Nam Xứ

“Sơn Nam Xứ, mười một phủ, bốn mươi hai huyện.

Khoái chu phủ, năm huyện một trăm bảy mươi bốn xã. Thái bằng phủ bốn huyện một trăm mười một xã, ba mươi một trại. Kiến xương phủ ba huyện một trăm bốn mươi xã ba trại. Tiên hưng phủ, bốn huyện chín mươi tám xã. Thường tín phủ ba huyện một trăm bốn mươi ba xã, hai mươi một trại. Ứng thiên phủ bốn huyện một trăm chín mươi ba xã bảy trại. Lí nhân phủ, năm huyện hai trăm mười tám xã, tám trại. Thiên tràng phủ, bốn huyện một trăm ba mươi hai xã, ba mươi bảy trại. Nghĩa hưng phủ, bốn huyện, một trăm sáu mươi ba xã, bốn trại. Tràng



an phủ, ba huyện, một trăm mười một xã, bốn mươi trại. Thiên quan phủ, ba huyện, sáu mươi xã hai động”.

#### **IV. TÍN NGƯỠNG (15)**

##### **1. Thờ thổ công**

“(…) Sự Thổ công, thì thờ ngoài vườn, vì xưa có một người ở bên Ngô ở Xu Hồ quảng hay đi săn chơi trên rừng, ngày ấy thấy một trứng bỏ giữa đàng thì người ấy lấy về mà để chơi, ngày sau trứng ấy nở ra được cái rắn liền cho nó ở nhà thì nó đi bắt gà lợn người ta mà ăn thịt, hết nhiều của người ta lắm thì người ta kêu, ông ấy liền đem nó lên trên rừng là nơi trứng cũ ngày xưa, mà rằng con ở đây chớ về nhà làm chi, con sẽ kiếm ăn rừng này vậy, nó liền ở đấy, có gặp ai thì bắt ăn thịt dù mà trâu bò hay là ngựa cũng vậy, thiên hạ sợ chẳng có ai dám đi lại đấy nữa, thì kêu cùng vua rằng đất ấy có cái rắn dữ chẳng có ai đánh được nó, mà vua có sai ai đi thì nó cắn chết, thì chẳng còn ai dám đi, vua liền rao thiên hạ rằng ai mà đánh được rắn ấy, thì vua cho làm quan, thấy vậy người nuôi nó ngày trước liền chịu lệnh vua mà đi đến nơi nó ở nó liền ra toan cắn ông ấy thì ông ấy rằng, con cắn ông ru, này là ông nuôi con ngày xưa, mà con chẳng biết ơn ru, nó liền đến chân ông ấy, như lấy người vậy. Ông ấy liền chém một nhát nó liền chết, ông ấy về tâu vua thì phán cho làm quan thì ông ấy rằng tâu vua tôi chẳng đáng làm quan, vua phán rằng mày muốn đi gì thì tao cho ông ấy rằng tôi muốn ăn cho đủ, thì vua cho hễ là trong xứ ấy có của gì mới thì cho ông ấy ăn trọn đời. Vì vua để cho coi đất ấy, đến này sau ông ấy chết, thì Xứ ấy còn thờ ông ấy như xưa gọi là chúa đất, đến ngày sau có người Annam đến đấy thấy liền bắt chước mà về nhà làm nơi thờ mà nói rằng chúa đất cho nên người ta bắt chước người ấy cho đến nay....”

##### **2. Chùa, nhà thờ thần**

“Chùa thờ Bụt thì một làng là một chùa, nhà thờ thần thì cũng vậy chẳng kể được cho hết”.

##### **3. Nhà thờ Công giáo**

“Nghệ an Xứ những nhà thánh thờ đức Chúa trời được bảy mươi lăm nhà thánh. Sơn nam Xứ được một trăm tám mươi ba nhà thánh. Hải dương Xứ được ba mươi bảy nhà thánh. Kinh bắc Xứ được mười lăm nhà thánh. Thanh hoá xứ được hai mươi nhà Thánh. Sơn tây xứ được mười nhà thánh”.

Tập Lịch sử nước Annam tuy vẫn nhưng tác giả đã trình bày nhiều điểm quan trọng của xã hội Việt Nam thời đó. Theo tài liệu này, chúng ta thấy được, Biển Đức Thiện viết chữ quốc ngữ mới và lối hành văn hay hơn Văn Tín; hơn nữa tác giả phải là một nhà học thức khá, bằng chứng là ông rất rành về thể lệ thi cử, các cấp quan văn võ và về địa dư hành chính. Thiết tưởng tập lịch sử này giúp cho chúng ta hiểu rộng hơn xã hội Việt Nam giữa thế kỷ 17.

#### **Chú thích**

(1) Archivum Romanum Societatis Jesu, Jap.Sin 81 f.246r 259v

(2) G.F de Marini (1608-1682) sinh tại Ý, gia nhập dòng Tên năm 1625. Năm 1643 ông tới Áo Môn để truyền giáo. Từ 1647-1658, Marini truyền giáo ở Đàng Ngoài (phần nhiều ông ở Xứ Đông). Ngày 17-7-1658 Marini cùng với năm linh mục dòng Tên khác phải lên tàu về Áo Môn, vì chúa Trịnh Tạc không chấp thuận cho các ông ở Đàng Ngoài nữa. năm 1659 Marini được các linh mục dòng Tên tỉnh Nhật Bản bầu làm đại diện của Tỉnh để tham dự hội nghị dòng Tên thứ 11 tại La Mã, từ ngày 9-5 đến 27-7-1661. Năm 1671 Marini (lúc đó làm Giám tỉnh Nhật Bản) theo tàu từ Áo Môn đi Đàng Ngoài. Khi tới vịnh Bắc phần, tàu bị đánh đắm, nhưng không ai chết. Riêng Marini vì mang y phục tu sĩ, nên bị nhà cầm quyền Việt Nam bắt giam 6 tháng. Sau khi được phóng thích, ông trở lại Áo Môn. Tháng 2-1673, Marnini lại tới

Đàng Ngoài nhưng cũng bị bắt giam 6 tháng. Ra khỏi tù, ông đi Xiêm rồi về Áo Môn (Bibliothèque municipale de Lyon, Manuscrit 813, Fonds général f.11v 12v). Marini qua đời tại Áo Môn 17-7-1682. Marini đã xuất bản hai cuốn sách quan trọng, không kể một số tài liệu viết tay hiện còn lưu trữ tại Real Academia de la Historia de Madrid, Jesuitas và tại Archivum Romanum Societatis Jesu, Jap.Sin. Hai cuốn sách đó là: Delle Missioni de Padri della Compagnia di Giesu nella Provincia del Giappone, e particolarmente di quella di Tumkino, Libri Cinque, Roma 1663, in-40. Metodo della Dottrina che i Padri della Compagnia di Giesu insegnano à Neoffiti, nelle missioni della Cina, conla riposla alle objectioni di alcui Moderni che li impugnano opera del P.A.Rubino (do linh mục Marini dịch từ Bồ ngữ sang), Lione, 1665 in 4.

(2b) Archivum Romanum Societatis Jesu, Jap.Sin 81 f.247r

(3) G.d' Amaral, Relacam dos catequisias da Christamdade de Tumkin seu modo de proverer, pera o Pe Manoel Dias, Vissilador de Jappão e China, trong Real Academia de la Historia de Madrid, Jesuitas, Legajo 21 bis, Fasc.16 f.36r.

(4) Archivum Romanum Societatis Jesu, Jap.Sin 81 f.246v

(5) Marini, Historia et relatione del Tunchino e del Giappone, Venetia 1669, in.12 – Marini, Relation nouvelle et curieuse des royaumes de Tunquin et de Lao, Paris 1666 in-4.

(6) Mọi tiêu đề trong những phần sau đây là do chúng tôi thêm vào cho rõ ràng, vì tác giả không chia từng tiết mục.

(7) Bento Thiện, Lịch sử nước Annam, trong Archivum Romanum Societatis Jesu, Jap.Sin 81 f.257.

(8) Ibid f.257v

(9) Ibid f.257v-258r.

(10) Ibid f.258r

(11) Ibid f.258r-258v

(12) Ibid f.258r

(13) Ibid f.258r

(14) Ibid f.258v-259r

(15) Ibid f.259

Tác giả : Đỗ Quang Chính, sj.

(Nguồn : <http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&v=detailarticle&id=64&ia=528>)

## **Công cuộc truyền giáo của Dòng Tên tại Việt Nam và tiếng Việt**

Ở Việt Nam cũng như ở các nơi khác, nỗ lực truyền giáo đã đi đôi với những thực hiện cao độ trong lãnh vực văn hóa. Năm 1615 ngay khi khởi công truyền giáo tại Việt Nam, các tu sĩ Dòng Tên của Tỉnh dòng Nhật Bản đã có một kinh nghiệm hơn hai mươi năm nghiên cứu và sáng chế về ngữ học tiếng Nhật (47), Sự kiện đó rất hữu ích vì đối chiếu với tiếng Trung Hoa, tiếng Việt và tiếng Nhật có một vị thế tương tự, và vì hai thứ tiếng này cùng chịu một loại ảnh hưởng xuyên qua lối chữ vuông (48).

Những bản dịch các bản văn Ki-tô giáo đầu tiên ra tiếng Việt có từ năm 1618, và phần thiết yếu do công của Francisco de Pina, linh mục Dòng Tên sinh ở Bồ Đào Nha (49); ông đã tốt nghiệp ở trường Macao, bấy giờ nhà văn phạm nổi tiếng về tiếng Nhật Jaão Rodrigues "Tcuzzu" cũng hiện diện tại đây từ năm 1610 (50). Trong công việc của mình, linh mục Pina nhờ đến sự giúp đỡ rất hữu hiệu của một văn nhân Việt Nam trẻ tuổi có tên rửa tội là Phê-rô; kiến thức uyên bác về chữ Hán của người trẻ tuổi này hẳn rất là hữu ích trong công việc của

Pina.

Những sự kiện đó rút ra từ một bản phúc trình chính thức của cơ sở truyền giáo: "Người ấy (một nhân sĩ thân quen với đoàn truyền giáo) có một người con trai mười sáu tuổi, là thanh niên lanh lợi và thông minh nhất trong vùng; anh này lại viết chữ Hán rất đẹp, được dân chúng hâm mộ vô cùng... Anh tên thánh rửa tội là Phê-rô, nhờ có tài hay chữ nên giúp linh mục rất nhiều trong việc dịch kinh "Pater noster", "Ave Maria", "Credo" và Mười Điều Răn ra tiếng địa phương, (các kinh) mà Ki-tô hữu đã thuộc lòng. Linh mục cũng viết ra các điều phải tin các mẫu nhiệm về Ba Ngôi, về Chúa nhập thể làm người, về chuộc tội, cũng như sự cần thiết của đức tin và các bí tích để được tham dự vào ơn tích của Chúa Ki-tô, Chúa chúng ta. Các Ki-tô hữu chép lại tất cả những điều ấy, và đã bắt đầu lần hạt mân côi y như tại xứ chúng ta (51).

Theo thói quen thực hiện các biên bản hằng năm của các tu sĩ Dòng Tên, "linh mục", tác giả các công trình liên hệ không minh nhiên được nêu tên. Ba tu sĩ Dòng Tên bấy giờ có mặt tạo cơ sở truyền giáo Pulo Cambo (có thể tương ứng với tên gọi Quy Nhơn ngày nay), lúc công trình này tiến hành là: linh mục Buzomi, bị "bịnh nặng", nên không đi giảng cho người ta trở lại được (52), linh mục Pina và linh mục Borri, một người vừa đến và mới bắt đầu học tiếng. Chúng ta hiểu rằng các công trình được thực hiện dưới sự giám sát của Buzomi, cụ thể trên cơ sở truyền giáo Đàng Trong (1615-1618) và hiện là bề trên cơ sở địa phương, nhưng những tác nhân chính yếu thực hiện công trình này là linh mục Pina và chàng thanh niên Việt Nam cộng tác với ông ấy, Theo chính lời xác nhận của chính linh mục Pina, ngay từ năm 1622, ông đã hoàn thành việc xây dựng một hệ thống chuyển mẫu tự la-tinh cho thích hợp với lối phát âm và thanh điệu tiếng Việt Nam. Ông đã làm được một tuyên tập và bắt đầu viết một bản văn phạm. Kết quả đó, linh mục Pina đã đạt được một cách vất vả, với sự trợ giúp của một số ít học sinh Việt Nam qui tụ chung quanh ông (53).

Nhà chép sử Dòng Tên Bartoli cho rằng Buzomi sáng tác một hệ thống văn phạm và ngữ vựng (54). Một trong những chứng lý là một bức thư viết năm 1662 mà chúng tôi không thể tìm ra. Có thể có sự lẫn lộn với Pina chăng. Một cách chung, các xác quyết của Bartoli liên quan đến các kiến thức ngữ học tuyệt vời của người đồng hương của ông là Buzomi lại không ăn khớp với những tài liệu tồn trữ mà chúng ta có thể truy cứu. Ngoài ra cũng cần lưu ý rằng Bartoli xem ra không biết đến những công trình sáng tác ngữ học của Pina, lại nhìn nhận khả năng của vị này. Tiếp sau phần tường thuật về cái chết của nhà truyền giáo Bồ Đào Nha ngày 15 tháng 12 năm 1625, Bartoli đã viết như thế này thay cho bài điều văn: "Linh mục Pina là người Bồ Đào Nha, thọ 40 tuổi. Ngài được người ngoại giáo mến chuộng, vì ngài nói tiếng của họ như chính ngài là người bản xứ Đàng Trong vậy." (55)

Năm 1624, Francisco de Pina mở trường dạy tiếng Việt cho những người ngoại quốc đầu tiên (56), trong đó có hai học trò rất cự phách: linh mục người Bồ Đào Nha António de Fontes (57), một nhà truyền giáo kỳ cựu và sẽ là một trong những cột trụ cho xứ truyền giáo Đàng Trong và Alexander de Rhodes mà chúng ta nói đến. Vị này sớm được gọi để thành lập xứ truyền giáo Đàng Ngoài, nơi mà Ngài sẽ thực hiện sứ mạng của mình từ năm 1627 đến năm 1630.

(Ngày 15 tháng 12 năm 1625, một tàu buồm Bồ Đào Nha bỏ neo ở vịnh Đà Nẵng, không cập bến được vì sợ bão. Một chiếc thuyền rời cảng đi đến tàu, Pina lên tàu để mang hàng hóa cần thiết lên bờ: rượu vang và bột lúa mì để dâng lễ. Khi trở lại bờ, một cơn gió mạnh làm chìm thuyền; bị vướng bởi chiếc áo dòng, Pina chết đuối, trong lúc thủy thủ đoàn được cứu. Đây là một cái tang cho dân chúng địa phương cũng như cho sở truyền giáo; một chiếu chỉ trực xuất

các nhà truyền giáo được đình chỉ thi hành, cho phép cử tang trong ba tháng, và rồi lại bị hủy bỏ luôn.) (58)

Nhưng đừng tưởng rằng sau cái chết bi thảm của Francisco de Pina, các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha đã giảm bớt nỗ lực về ngữ học. Công việc của các vị tiên phong ấy vẫn được tiếp tục ít nhất trong hai thập niên. Cố gắng của họ trước hết nhằm sáng tạo một ngữ vựng Ki-tô giáo và viết ra những phân căn bản về văn chương Ki-tô giáo (59). Vai trò của các văn nhân Ki-tô giáo Việt Nam ở đây cũng rất lớn; một số tên tuổi của họ cần được nêu lên (60).

Mặt khác nỗ lực phân tích văn phạm và ngữ âm tiếng Việt được tiếp tục nghiên cứu một cách có hệ thống để kiện toàn dần hồi lối viết bằng mẫu tự La tinh gọi là quốc ngữ, đây là một công trình tập thể, khó mà phân định được phần riêng nào của một ai. Nhưng điều chắc chắn là Alexandre de Rhodes sớm tách ra khỏi công trình tiếp tục này vì vào lúc ấy ông ấy vắng mặt ở xa tận Macao từ năm 1630 đến 1640 : ở tại đây, ông thi hành tác vụ của mình trong môi trường sống của người Trung Hoa, mặc dù vẫn tiếp tục theo dõi những tiến bộ được thực hiện tại Việt Nam (61). Chính ông đã nêu tên hai nhà từ vựng học nổi tiếng nhất trong tựa cuốn từ điển (62): hai người Bồ Đào Nha Gaspar do Amaral (63) và António Barbosa (64).

Trong công trình sáng tác độc đáo này của các linh mục Dòng Tên Bồ Đào Nha ở Việt Nam, giai đoạn trưởng thành đánh dấu bằng một cuộc "định chuẩn", một cuộc thảo luận mâu thuẫn được tổ chức tại Macao vào năm 1645 để bàn về một vấn đề gây tranh cãi liên quan đến hệ thống thuật ngữ Ki-tô giáo bằng tiếng Việt (65). Kho tài liệu lưu trữ còn giữ lại cho chúng ta tên tuổi các chuyên gia lão luyện chi phối các cuộc thảo luận: bên cạnh Amaral, được chỉ định như nhà chuyên môn tài ba nhất (*peritissimus*), và Barbosa, còn thấy Baltazar Caldeira, sinh ở Macao, cũng như Manuel Pacheco và Pero Alberto; hai vị sau này đều sinh ở Bồ Đào Nha. Đối diện với họ, Alexandre de Rhodes chủ trương một lập trường trái ngược ; và ý kiến của ông bị gạt bỏ. Mặc dầu sau đó một vị Dòng Tên người Sicilia còn trẻ, tên Metello Saccano (66) hăng say hỗ trợ cho lập trường của ông, nhưng rồi quyết định trên vẫn giữ lại.

Thực ra vấn đề không chấm dứt ở cuộc hội năm 1645, Theo đề nghị của Alexandre de Rhodes, vấn đề được đưa về Roma và được nghiên cứu lại trong những năm của thập niên 1650 trước bộ Truyền Bá Đức Tin, và sau đó trước bộ Thánh Vụ (67). Có một bức thư khá kỳ lạ của tu sĩ Dòng Tên người Ý Giovanni Filippo Marini gửi cho các bề trên của mình tại Roma về việc này, thư viết vào năm 1655 (68). Với giọng văn có vẻ tranh cãi, trong thư tác giả nêu lên khả năng đáng nghi ngờ của Rhodes về ngữ học Việt Nam. Tu sĩ này cố đánh giá thấp Rhodes vì Rhodes nói theo tiếng Đàng Trong, "đánh giá què kệch" so với tiếng chuẩn của kinh đô; cũng với tiếng nói phương nam ấy mà lối chính tả trong cuốn Từ Điển dường như thấy xuất hiện trong một vào trường hợp. Nhưng cốt lõi vấn đề không phải ở đó; nó liên quan đến "nghĩa" chính xác của lối nói Hán Việt (không liên quan đến âm giọng địa phương) "nhin danh" (Cha). Lối nói này về mặt thần học mơ hồ vì thiếu một chữ nhằm nói đến số ít về mặt văn phạm. Rhodes đòi phải thêm vào một phụ từ, sợ rằng người ta nghĩ có ba "danh", và như thế là ba quyền lực siêu nhiên khác biệt; trong trường hợp đó, phải chăng đã đi ra ngoài tín lý Ki-tô giáo, và phải chăng phải nghĩ đến chuyện rửa tội Nền chuẩn này vẫn còn được sử dụng trong Giáo Hội Việt Nam ngày hôm nay. Tất cả các nhà chuyên môn ấy, đều là người Bồ Đào Nha.

### **Chú thích:**

47. Ngoài các tài liệu khác, nên xem Francisco Faria Paulino, Maria Leonor Carvalhã Buescu et alii (dir.), "A gala'xia das língua na estraté gia da Evangelizacão", Lisbonne, Comissão Nacional para as Comemorações dos Descobrimentos Portuueses, 1992; tr. 54-60,

với thư mục trích dẫn; và Anna Paula Laborinho, "A questão da língua na estratégia da Evange lização" trong Macau, 31, 1994, tr. 66-72. Nhưng đại tác phẩm liên quan đến tiếng Nhật có vào khoảng giữa thế kỷ 16 và 17: Dictionarium Latino- Lusitanum ac Japonicum ex Ambrosii Calepini volumine depromptum", Amacusa, 1595, xem bản chụp lại, Tokyo, 1953 và 1979; "Vocabulario da Lingoa de Japam com a declaração em Portuguez", Nangasaqui, 1603. Hai bộ văn phạm Nhật Bản của João Rodrigues ("Arte da Lingoa de Iapam" và "Arte breve da lingoa Iapoa") đã được in tại Nhật Bản, tuần tự giữa các năm 1604-1608 và vào các năm 1620.

48. Chẳng hạn xem lời tựa không đề tên của tác phẩm tập thể do Hoàng Văn Hành điều khiển, "Từ điển yếu tố Hán Việt thông dụng- Dictionary of Sino-Vietnamese everyday usage elements", Hà Nội, Nxb Khoa Học Xã Hội, 1991, tr.5-9. Cũng xem Nguyễn Thị Chân Quỳnh: "Concours de mandarins" (xem chú thích 3). Chúng tôi không nói đến trường hợp tiếng Đại Hàn, vì tiếng này không được người Âu Châu nghiên cứu trong thời gian liên hệ.

49. Francisco de Pina, sinh tại Guarda năm 1585m vào Dòng Tên năm 1605. Ông học ở Macao từ năm 1613 đến khoảng năm 1616, đặc biệt rành tiếng Nhật. Chịu chức linh mục ở malacca năm 1616, vào cuối năm 1617 đi truyền giáo ở Đàng Trong; chết vì tai nạn tại đây ngày 15.12.1625. Do sự sai lầm của Fortuné-M. De Monte'xon và Edouard Esteve trong "Mission de la Cochinchine et de Tonkin" (Paris, Charles Douniol, 1858, tr.386), một số tác giả nay tiếp tục cho rằng Pina là người Ý. Nhưng tài liệu ghi trong các bản cũ đã nói rõ: xem Josef Franz Schutte, (e'd), "Textus Catalogorum" (chú thích 38) trang 855,955 và "Passim".

50. Xem những chỉ dẫn thư mục nêu lên dưới tên "João Rodrigues" bởi Joseph Dehergne, "Répertoire de Je'suites de Chine de 1552 à 1800", Roma, Institutum Historicum S.II., và Paris, Letouzey et Ané 1973. Về con người và tài năng của ông, xem Michael Cooper, "Rodrigues the Interpreter. An early Jesuit in Japan and China", New York/ Tokyo, Weatherhill, 1974.

51. "Tiene questo, huomo un figlio di sedici an~i il più uiuo et habile diquel loco, et il migliore scrittore nella Irã Cinese, cosa che tra di loroè di molta stima (...) Questo giuokane che battizzato si chiama Pietro, conle Decalogo; che li Xpĩani già han~o imparato à mente Compose anche il prẽ nella lingua gl' articoli della fede, ne quali bastantemte si declara hauer un Dio solo, li misterij dell Ssma Trinità, e dell' Incarnatne e Redentione, e la necessità che habbiamo di partecipare i meriti di Chrõ nrõ Sigre per mezzo della fede, e santi sacramenti. Li Xpiãni uan~o tutto scriuendo, e già cominciano à dire la corona à nrõ modõ.." Bản báo cáo ký tên Francisco Eugenio, tu sĩ Dòng Tên người Ý ở Ma Cao, ghi lại những chỉ dẫn lấy từ một tài liệu khác "Annua del Collegio di Macaõ del 1618" (AERSI, JAP.- SIN, 114, trang 176-185). Bản văn trên trích ở các trang 183v-184.

52. Câu văn trích ở Trang 183v.

53. Những tài liệu này trích từ một bức thư mà chúng tôi nghĩ là nay chỉ còn một bản ở Văn Khố Dòng Tên tại Ma Cao, và chúng tôi giữ nguyên văn và phần bình chú: Lisbonne, Biblioteca da Ajuda, "Jesuítas na A'sia" quyển 49/V/7, trang 413-416. Thư không đề ngày và không ký tên; người chép lại (José Montanha hoặc Manuel A'lvaes, vào khoảng năm 1755) chú rằng có thể do chính tay của Pina viết, và cho niên kỷ vào khoảng năm 1622-1623. Chúng tôi có thể chứng minh chắc chắn tác giả là Pina và niên kỷ (những tháng đầu 1623) có thể là xác thực hơn cả: xem Roland Jacques, "L'oeuvre de quelques pionniers portugais dans le domaine de la linguistique vietnamienne jusqúen 1650": Luận văn D.EA trình tại Paris.

INALGO, 1995 (đang in).

54. Daniello Bartoli, "Dell' Historia della Compagnia di Giesu La Cina Terza parte dell' Asia", Roma, Stamperia del Varese, 1663, tr.618.

55. "Era il P. Pina di antion Portoghese, in età di quaranta anni, caro anche a gl' idolatri, percioche ne parlaua la lingua quanto Cocicinese natiuo" ("La Cina", tr. 834).

56. Xem thư của Fernandes gửi Nuno Mascarenhas, đề ngày 2.7.1625 tại Phe-phô: ARSI, JAP.-SIN. 68 (tr. 11-12): "... Một nhà (dòng) đã được tổ chức tại Cachão, thủ phủ của chúa (Nguyễn); cho đến nay, nhà đó không thuộc về số các nhà của Hội Dòng, mặc dầu có một cha luôn cư ngụ đó với một người bạn dòng. Bây giờ, cha Francisco de Pina ở đây và dạy tiếng nói cho các cha Alexandre de Rhodes và António de Fontes."

57. António de Fontes, sinh năm 1569 ở Lisbonne, nhập dòng năm 1584; ngài được uỷ thác nhiệm vụ truyền giáo tại Đàng Trong từ 1624 đến 1631, rồi tại Đàng Ngoài và cư ngụ ở đây nhiều lần cho đến năm 1648.

58. Xem Gaspar Luis, "Cocincinicae missionis annuae litterae anni 1625", ARSI, JAP.-SIN. 72 (tr. 50-67). (tr. 59v-59); và bài tường thuật không đề tác giả "Relacaõ de huã persecuicaõ da Christandade de Cochinchina" (1626): tldd., JAP.-SIN. 68, tr. 39-40 và 41-42.

59. Công trình nghiên cứu giá trị nhất hiện nay về đề tài này hẳn là tác phẩm của linh mục Dòng Tên Việt Nam Joseph Đỗ Quang Chính: "Lịch sử chữ Quốc Ngữ 1620-1659", Sài Gòn, 1972; tái bản Paris., Đường Mới, 1985. Tuy nhiên tác giả gặp trở ngại vì không sành tiếng Bồ Đào Nha Công trình nghiên cứu cần được bắt đầu và bổ túc với toàn bộ tài liệu viết tay còn lưu Về buổi đầu văn chương Kitô giáo, xem Georg Schurhammer, "Annamistische Xaveriusliteratur" (Văn chương Việt Nam liên quan đến Francisco Xavier) trong Johannes Rommerskirchen và Nikolaus Kowalski(ed.), "Missionswissenschaftliche Studien, Festgabe Pr.Dr. Johannes Dindinger (...)" (Các công trình nghiên cứu khoa học truyền giáo, ca ngợi gs. J.D.), Aix-la- Chapelle. Willhelm Metz. 1951, tr. 300-314; Võ Long Tê, "Dẫn nhập nghiên cứu tiếng Việt và chữ Quốc Ngữ" (Reichstett -Pháp- Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ/ Định Hướng Tùng Thư, 1997, và Nguyễn Văn Trung (Dr.), "Về sách báo của tác giả Công giáo (thế kỷ XVII-XIX)- Phân khoa Văn Chương Đại Học TP. HCM., 1993, đặc biệt là những đóng góp của Thanh Lãng và Võ Long Tê.

60. Về vấn đề tham gia của các Kitô hữu Việt Nam và các công trình sáng chế ngữ học thế kỷ 17, xem Hoàng Tuệ "Về việc sáng chế chữ quốc ngữ" trong "90 ans de recherches sur la culture et l'histoire du Việt Nam", Hà Nội, EFEO, 1995, tr. 456-460; và Nguyễn Đình Đầu "Alexandre de Rhodes và chữ Quốc ngữ" trong "Tuyển tập Thần Học", 8/1993, tr.47-84.

61. Trong tác phẩm của ông "Divers voyages et missions" (xem chú thích 9), Rhodes cho ta khá nhiều yếu tố về cuộc đời ông. Để nói rõ về nỗ lực của riêng ông trong công trình ngữ học, chúng tôi sẽ xuất bản một bản viết tay của ông, viết vào năm 1632 và chưa từng được phổ biến; trong tài liệu này, vào thời gian ấy ta sẽ thấy rõ thực trạng và những thiếu sót của ông về các kiến thức liên quan đến cách phát âm tiếng Việt.

62. Alexandre de Rhodes, "Dictionarium annamiticum, lusitanum et latinum", "Ad Lectorem", bản văn ở đầu sách không đề trang.

63. Gaspar do Amaral, sinh năm 1594 tại Curvaceira (nay là freguesia de Chão de Tavares gần Mangualde, huyện lỵ của Viseu), nhập hội Dòng Tên năm 1607. Trước hết làm giáo sư ở Braga, Coimbra và E'vora, rồi đi Phương Đông năm 1623. Ông được gửi đến truyền giáo ở Đàng Ngoài năm 1629 và 1638, và cư ngụ tất cả là bảy năm trong hai kỳ khác nhau. Sau đó tại Ma Cao, ông giữ chức vụ viện trưởng, phó tỉnh đồng, rồi làm kinh lược trong các vùng truyền giáo. Ông chết vào tháng 2 năm 1646, trên các bờ biển đảo Hải Nam trong một tai nạn đắm tàu chở ngài đến Đàng Ngoài. Vào thời ngài mất, ngài được xem là người chuyên môn có khả năng nhất trong Hội Dòng Tên về tiếng Việt.

64. António Barbosa, sinh năm 1594 ở Arrifana do Sousa (nay là Penalfiel phía đông của Porto), nhập hội Dòng Tên tại Lisbonne năm 1624 và sau đó không lâu đi Phương Đông. năm 1629, ông được gửi đến truyền giáo tại Đàng Trong, và vào năm 1636 thì đến Đàng Ngoài. Năm 1642, vì bệnh, ông bắt buộc phải trở về lại Ma Cao, rồi Goa và chết ở đây năm 1647.

65. Xem J.F. Schutte, "Textus Catalogorum" (xem chú thích 41), tr. 1034-1050. Xem các tài liệu: ARSI, JAP.-SIN, 80, tr. 35-38v và 73-81; Lisbonne, Biblioteca da Ajuda "Jesuítas na A'sia", 49/V/13, tr. 351-373 và 661-663; 49/V/32, tr. 308-327v.

66. Baltazar Caldeira, sinh ở Ma Cao năm 1608, truyền giáo ở Đàng Ngoài từ 1639; năm 1646 được gửi vào Đàng Trong nhưng cùng năm đó bị trục xuất; ngài chết ở Goa năm 1674. Manuel Pacheco, sinh ở Cantanhede Bồ Đào Nha, truyền giáo ở Đàng Ngoài từ 1641 đến 1642; phần chính của sự nghiệp ngài là làm giáo sư tại phân khoa nghệ thuật ở học viện Ma Cao (Faculté des Arts du College de Macao), trong đó có dạy các ngôn ngữ; ngài chết tại đây năm 1647. Pero Alberto, sinh ở Bragance (?) truyền giáo ở Đàng Trong vào 1640-1641, và sau đó từ 1641 ở Đàng Ngoài; ngài chết trên chuyến tàu về Ma Cao, tàu bị chìm năm 1646, cùng với Gaspardo Amaral. Metello Saccano, sinh ở Messine, đã từng rời Lisbonne để đi Phương Đông năm 1643, truyền giáo ở Đàng Trong giữa các năm 1646-1655, và sau đó còn trở lại vào năm 1662; một vài tháng sau ngài chết ở đây.

67. Xem các tài liệu: Lisbonne, Biblioteca da Ajuda, "Jesuítas na A'sia", 49/V/32, tr. 521-522v và 681-681c; 49/V/61, tr. 231v-252v và 362v-377.

68. ARSI.JAP.- SIN, 80, tr.88-89v và 96-96v.

### **Jacques Roland**

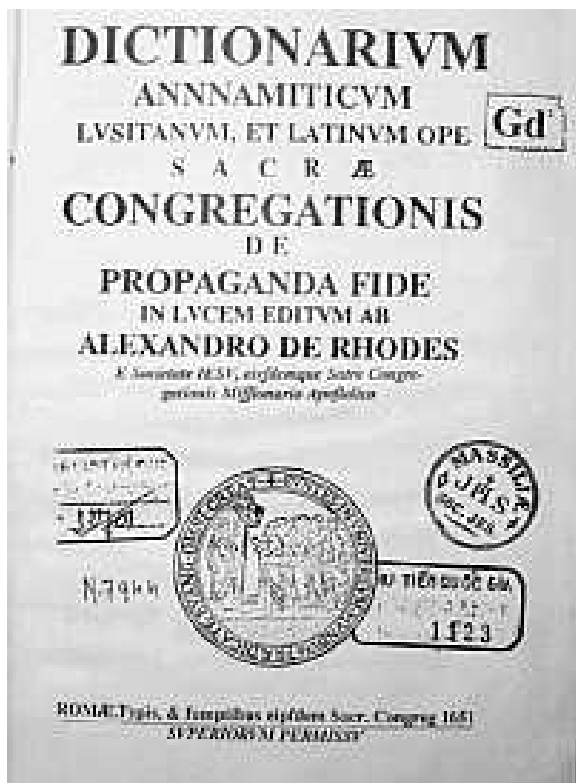
(Nguồn : [http://www.bbc.co.uk/vietnamese/specials/1232\\_jacques\\_roland/index.shtml](http://www.bbc.co.uk/vietnamese/specials/1232_jacques_roland/index.shtml))

## **Chữ quốc ngữ đã được công giáo khai sinh năm 1651**

Năm 1651 cho xuất bản hai cuốn sách quốc ngữ đầu tiên : cuốn tự điển việt bỏ latin và cuốn giáo lý công giáo, cha Đắc Lộ, dòng Tên, đã khai sinh ra chữ quốc ngữ.

**1. Cuốn tự điển việt bỏ latin**, có tên bằng tiếng latin là « *Dictionarivm annamiticvm, lvsitanvm, et latinvm, ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in lvcem editvm*. Ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesv, ejusdemque Sacrae Congregationis Missionario Apostolico, Roma, 1651, in-4°

Cha Đắc Lộ cho biết sở dĩ ngài soạn được cuốn từ điển này là vì thứ nhất ngài đã lưu trú 12 năm cả ở Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài. Thứ hai ngài đã học tiếng Việt, nhất là về thanh và âm, với một cậu bé Việt nam 13 tuổi. Thứ ba ngài cũng đã học tiếng Việt với cha Francois de



Pina người Bồ, là người ngoại quốc thứ nhất rất thông thạo tiếng Đàng Trong, người thứ nhất giảng mà không cần thông dịch viên. Thứ bốn ngài đã xử dụng từ điển Việt Bồ của cha Gaspar d' Amaral và từ điển Bồ Việt của cha Antonio Barbosa, cả hai đều là người Bồ.

Đỗ Quang Chính đã mô tả như sau « Cuốn tự điển được soạn bằng ba thứ chữ Việt-Bồ-La (mà tên sách chỉ đề bằng chữ Latinh, rõ rệt hướng tới độc giả giáo sỹ truyền giáo âu châu), với hai mục đích đã được tác giả ghi rõ : thứ nhất, giúp các nhà truyền giáo học tiếng Việt, để có thể truyền giáo ; thứ hai, chiều theo ý muốn của một số vị Hồng y ở La Mã, thêm chữ La tinh vào, để người Việt Nam có thể học thêm La ngữ.

Cuốn tự điển gồm ba phần chính :

- *Lingvae Anniticae seu Tynchinensis brevis declaratio*, 31 trang, từ trang 1 đến 31, được sắp lên đầu cuốn tự điển và được đánh số tách biệt với cuốn tự điển. Đây là cuốn ngữ

pháp Việt Nam, nhưng soạn thảo bằng La ngữ, với mục đích cho người Tây phương học. Tuy sách vẫn, nhưng tác giả cũng chia ra 8 chương rõ rệt, không kể Lời Nói Đầu :

Chương I: Chữ và vần trong tiếng Việt (*De literis et syllabis quibus haec lingua constat*).  
 Chương II: Dấu nhấn và các dấu (*De Accentibus et aliis signis in vocalibus*).  
 Chương III: Danh Từ (*De Pronominibus*).  
 Chương IV: Đại danh từ (*De Pronominibus*).  
 Chương V: Các đại danh từ khác (*De aliis Pronominibus*).  
 Chương VI: Động từ (*De Verbis*).  
 Chương VII: Những phần bất biến (*De reliquis orationis partibus indeclibilibus*).  
 Chương chót: Cú pháp (*Praecepta quaedam ad syntaxim pertinentia*).

- *Dictionarium Ananmiticvm seu Tynchinense cum Lusitana, et Latina declaratione*. Phần này không đánh số trang nhưng ghi theo cột chữ (mỗi trang có hai cột chữ). Từ đầu đến cuối là 900 cột, từ mẫu tự nọ sang mẫu tự kia thường để cách một trang trắng, có khi hai trang trắng. Một điều khác đặc biệt với tự điển Việt Nam ngày này, Đắc Lộ thêm mẫu tự /b sau mẫu tự b. Thực ra đó là một số chữ thuộc mẫu v bây giờ. Ví dụ /bá (vá: vá áo), /bã (vã: vã nhau, tát nhau), /bạch (vạch: vạch tai ra mà nghe), /bậy (vậy: ấy vậy), /bán (ván: đồ, đậu ván), /bổ (vỗ: vỗ tay), /bỏ (vỏ: vỏ gươm), /bua (vua: vua chúa), /bú (vú) . Mẫu tự /b này chiếm 10 cột, tức 5 trang giấy.

- *Index Latini sermonis* là phần thứ ba cuốn tự điển. Trong phần này, tác giả liệt kê chữ La tinh có ghi trong phần hai và bên cạnh mỗi chữ có đề số cột, với mục đích để người học tiếng Việt, nếu đã biết La tinh, thì dò theo phần này để tìm chữ Việt ở phần kia. Trong phần này không đánh số trang, cũng không ghi số cột (mỗi trang có hai cột chữ). Chúng tôi đếm được 350 cột tức 175 trang.

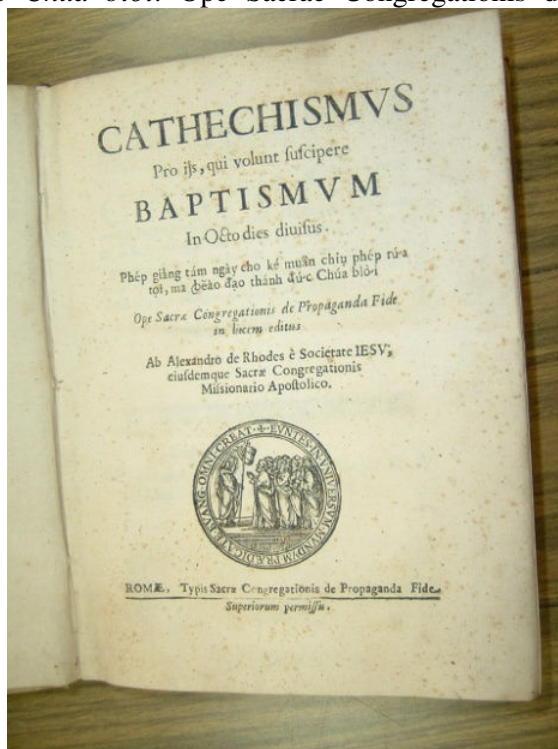
(Đỗ Quang Chính, Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659, Ra khơi : Sài gòn 1972, tr. 84-86)



**2. Cuốn giáo lý** có tên bằng tiếng latin và tiếng việt như sau : « *Catechismvs pro iis, qui volunt suscipere Baptismvm, in Octo dies diuisus. Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, ma /bèào (8) đạo thánh đức Chúa bời.* Ope Sacrae Congregationis de Propaganda Fide in lucem editus. Ab Alexandro de Rhodes è Societate Iesv, ejusdemque Sacrae Congregationis Missionario Apostolico, Roma, 1651, in-4°. (Hình chụp sách chính bản, lưu trữ tại Thư Viện Á châu, Hội Thừa sai Hải Ngoại Paris)

« Đây là một cuốn giáo lý mà tác giả muốn viết cho những người dạy giáo lý dùng. Cuốn sách được viết bằng hai thứ tiếng: La tinh và Việt Nam. Trên mỗi trang sách chia làm hai, có một gạch đôi từ trên xuống dưới: bên tay trái của người đọc sách là chữ La tinh (chữ xiên), bên tay phải là chữ Việt (chữ đứng). Để đọc giả dễ dàng đối chiếu hai thứ chữ, Đắc Lộ đặt ở đầu mỗi ý tưởng chính mẫu tự abc... cho hai phần La Việt, rồi chính giữa trang sách cũng đặt mẫu tự abc... cho hai phần La Việt song song. Cuốn sách có 319 trang, không đề Lời tựa. Sau trang bìa và trang ghi ngày được phép in sách, là đến phần chính ngay.

Viết sách này, tác giả không chia ra từng chương, mà lại chia theo từng ngày học, có tính cách sư phạm, và như chúng ta đã biết là sách được chia ra Tám ngày. (Đỗ Quang Chính, Ibid., tr. 86)



**3. Cha Đắc Lộ đã học tiếng việt và cho in hai sách trên thế nào ?.** Ở một chỗ khác, trong một bài tường thuật ngắn, cha Đắc Lộ đã vắn tắt mô tả những bước đầu truyền giáo của ngài từ năm 1624 tại Việt Nam, việc học tiếng việt và việc xuất bản hai tập sách trên. Ngài nhắc lại việc cần thiết phải chuyên cần học tập tiếng việt nếu muốn truyền giáo hiệu quả, ngài cũng nhắc đến việc ngài học tiếng việt với một cậu bé việt nam và việc in sách tự điển, ngữ pháp và giáo lý. Ngài viết : *Vì Nhật Bản vẫn thi hành chính sách bế quan tỏa cảng, nên bề trên tin rằng Chúa cho phép sự ác đó để mở cửa cho Đàng Trong nhận Phúc âm.*

Thế là năm 1624, bề trên phái cha Mathêu Mattos, trước kia ở Rôma làm quản thủ các tỉnh dòng, đến thăm việc truyền giáo ở Đàng Trong, cùng với năm bạn đồng sự người Âu, trong số đó tôi hân hạnh là người thứ năm và một người Nhật thông thạo chữ Hán.

Chúng tôi khởi hành từ Macao vào tháng 10 năm 1624 và sau mười chín ngày thì tới Đàng Trong, tất cả đều hồ hởi bởi hoạt động tốt. Ở đó chúng tôi gặp cha Pina, ngài rất thông thạo tiếng xứ này, một thứ tiếng khác hẳn tiếng Tàu. Tiếng mới này còn thông dụng ở Đàng Ngoài, ở Cao Bằng, ở Đàng Trong và người ta còn nghe và hiểu ở ba xứ lân bang khác. Đối với tôi, thú thật vừa tới Đàng Trong và nghe dân xứ này nói, nhất là phụ nữ, tôi tưởng như nghe chim hót và tôi không bao giờ mong có thể học được.

Hết các tiếng đều độc vận và chỉ phân biệt ý do nhiều giọng nói khác nhau. Một chữ như “đại” chẳng hạn, có tới hai mươi ba nghĩa hoàn toàn khác nhau, do cách đọc khác nhau, vì

thế khi nói thì như ca như hát. Tôi đã đề cập tới nhiều hơn trong cuốn Lịch sử Đàng Ngoài. Căn cứ vào đó thì thấy học thứ ngôn ngữ này không phải là dễ.

Vì thế mà tôi thấy cha Fernandez và cha Buzomi phải dùng thông ngôn để giảng, chỉ có cha Francois de Pina không cần thông ngôn vì nói rất thạo. Tôi nhận thấy bài ngài giảng có ích nhiều hơn bài các vị khác. Điều này khiến tôi tận tụy học hỏi, tuy vất vả, thế nhưng khó ít mà lợi nhiều. Tôi liền chuyên chú vào việc. Mỗi ngày tôi học một bài và siêng năng như khi xưa vùi đầu vào khoa thần học ở Rôma. Chúa đã cho tôi trong bốn tháng tôi đủ khả năng để ngồi tòa giải tội và trong sáu tháng tôi đã giảng được bằng ngôn ngữ Đàng Trong và cứ thế tôi tiếp tục trong nhiều năm. Tôi khuyên tất cả các vị nhiệt tâm muốn tới những tỉnh dòng chúng tôi để chinh phục các linh hồn, thì nên chuyên cần ngay từ buổi đầu. Tôi cả quyết rằng hiệu quả của việc trình bày các mẫu nhiệm trong ngôn ngữ của họ thì vô cùng lớn lao hơn khi giảng bằng thông ngôn: thông ngôn chỉ nói điều mình dịch chứ không sao nói với hiệu lực của lời từ miệng nhà truyền đạo có Thánh Thần ban sinh khí.

Người giúp tôi đắc lực là một cậu bé người xứ này. Trong ba tuần lễ đã dạy tôi các dấu khác nhau và cách đọc hết các tiếng. Cậu không hiểu tiếng tôi mà tôi thì chưa biết tiếng cậu, thế nhưng, cậu có trí thông minh biết những điều tôi muốn nói. Và thực thế, cũng trong ba tuần lễ, cậu học các chữ của chúng ta, học viết và học giúp lễ nữa. Tôi sùng sốt thấy trí thông minh của cậu bé và trí nhớ chắc chắn của cậu. Từ đó cậu đã làm thầy giảng giúp các cha. Cậu đã là một dụng cụ rất tốt để tôn thờ Chúa trong giáo đoàn và cả ở nước Lào, nơi cậu hoạt động trong nhiều năm với thành quả mỹ mãn, cậu rất mến thương tôi nên đã muốn lấy tên tôi.

Từ ngày tôi trở về Âu Châu, tôi đã cho in ở Rôma, nhờ các vị ở bộ Truyền giáo, một tự vị tiếng Đàng Trong, Latinh và tiếng Bồ, một cuốn ngữ pháp và một cuốn giáo lý, trong đó tôi bàn giải về phương pháp chúng tôi dùng để trình bày mẫu nhiệm đạo thánh cho lương dân. Việc này sẽ có ích cho những người ao ước tới giúp việc giảng Chúa Kitô bằng ngôn ngữ tới nay chỉ dùng để sùng bái quý ma. (ALEXANDRE DE RHODES, HÀNH TRÌNH VÀ TRUYỀN GIÁO, chương 3, do Nguyễn Khắc Xuyên dịch).

( <http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=136&ict=319>)

**4. Ai là tác giả của hai tác phẩm này ?** Vì tên tác giả đề ngoài sách chỉ có tên cha Đắc Lộ, thông thường chúng ta vẫn hiểu rằng đó là tác phẩm của riêng cha Đắc Lộ. Cách hiểu này không đúng với sự thực. Về cuốn từ điển, thì chính cha Đắc Lộ đã nói rõ trong lời tựa nói với độc giả rằng ngài đã thực hiện dựa trên căn bản của cuốn từ điển Việt - Bồ do linh mục Gaspar do Amaral soạn và từ điển Bồ Việt của Antonio Barbosa, cả hai đều là người Bồ..

Và một cách tổng quát, trong một nghiên cứu mới đây, cha Jacques ROLAND đã đưa ra một trả lời thực tế như sau : « Về hai tác phẩm viết bằng tiếng Việt Nam do Bộ Truyền Bá Đức Tin xuất bản, hẳn không có vấn đề bán ra cho dân chúng; mục đích duy nhất là phục vụ công cuộc truyền giáo. Do sự kiện Rhodes là người duy nhất ở Roma biết đến ngôn ngữ ấy, thì ông cần đích thân bảo chứng cho các tác phẩm liên hệ, mang lấy trách nhiệm tối hậu trước các vị bề trên của mình và trước Tòa Thánh. Sự kiện tên ông xuất hiện trên bìa sách không nhất thiết minh chứng rằng ông là "tác gia" duy nhất của nó và ngay cả là người biên tập chính. Chúng tôi nghĩ rằng đây là lối mang trách nhiệm mà linh mục Rhodes đã thực hiện, chứ không phải là nêu lên tư cách tác giả văn chương theo nghĩa chính xác như chúng ta hiểu; những vị có thể làm điều này y như cương vị của ông, hoặc có thể cùng làm việc này với ông, thì lại ở xa mút tại một nơi khác.

Còn cuốn giáo lý, có lẽ phải dành tư thế tác giả cho ông trong việc biên tập dứt điểm bản văn được in ra, và chắc chắn hơn nữa là bản văn la tinh được ông minh nhiên nói đến. Nhưng cũng chính Rhodes đã ghi rằng, trong trường hợp này đây là "phương pháp mà chúng tôi đã

dùng để trình bày các màu nhiệm của chúng ta cho người ngoại quốc". Như thế rõ rệt nó được định vị trong một công trình tập thể ».

([http://www.bbc.co.uk/vietnamese/specials/1232\\_jacques\\_roland/page7.shtml](http://www.bbc.co.uk/vietnamese/specials/1232_jacques_roland/page7.shtml))

**5. Các giai đoạn thành hình chữ quốc ngữ trước khi hai sách trên được xuất bản.** Trong tác phẩm nghiên cứu rất nghiêm chỉnh về « Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659 », Linh mục Đỗ Quang Chính, dòng Tên, đã mở đầu chương 2, bàn về « Sơ lược giai đoạn thành hình chữ quốc ngữ (1620-1648) bằng lời xác định tổng quát rằng : « Chữ Việt ngày nay là một thứ chữ đã được nhiều linh mục Dòng Tên ở Việt Nam (với sự cộng tác âm thầm của một số Thầy giảng Việt Nam) vào thế kỷ 17 sáng tạo ra. Nói một cách tổng quát thì họ đã dùng mẫu tự La tinh, rồi dựa vào phần nào của chữ Bồ Đào Nha, Ý và mấy dấu Hy Lạp, để làm thành chữ mà chúng ta đang dùng ». (Đỗ Quang Chính, Ibid., tr. 19-76)

Dựa vào những tài liệu gốc, viết tay, tìm được trong các văn khố, cha Chính đã phát hiện ra hai yếu tố căn bản phân chia sự biến chuyển trong tiến trình thành hình của chữ quốc ngữ 1620-1648. Rồi tựa vào đó, cha đã nêu ra hai giai đoạn thành hình của chữ quốc ngữ trước ngày hai cuốn sách của cha Đắc Lộ được phổ biến năm 1651. Hai giai đoạn đó là : Giai đoạn sơ khởi chữ quốc ngữ 1621-1626 với các đặc tính chung là « hầu hết các chữ còn viết liền và chưa thấy đánh dấu vào những chữ đó », và giai đoạn hai 1631-1648 mà hai đặc tính chung là « Chữ quốc ngữ đã được viết khá đúng về hai phương diện : cách ngữ và dấu ».

### **Giai Đoạn Sơ Khởi (1620-1626)**

Các nhà truyền giáo Âu Châu đã đến Hà Tiên và Thừa Thiên từ giữa thế kỷ 16. « Sang đến đầu thế kỷ 17, các nhà truyền giáo dòng Tên gồm người Âu châu và một số ít người Trung hoa, Nhật bản, mới chính thức đến truyền bá Phúc âm ở Việt Nam, và hoạt động của các ông đã được ghi lại khá đầy đủ.

Ngày 06.01.1615, ba tu sĩ Dòng Tên là hai Im Francesco Buzomi (Ý), Diego Carvalho (Bồ Đào Nha) và thầy Antonio Dias (Bồ Đào Nha), đáp tầu buôn Bồ Đào Nha từ Áo Môn đi Đàng Trong, và tới Cửa Hàn ngày 18.01.1615. Sau đó mấy tháng các ông đến ở Hội An...

Ba nhà truyền giáo mà chúng ta vừa nói, đến Hội An với mục đích đầu tiên là giúp đỡ giáo hữu Nhật về mặt tôn giáo, và nhờ người Nhật làm thông ngôn để tiếp xúc với người Việt Nam. Sau năm 1615, nhiều tu sĩ Dòng Tên khác không những đến truyền giáo ở Đàng Trong mà cả Đàng Ngoài nữa, nhưng đa số là người Bồ Đào Nha.

Các nhà truyền giáo tới Việt Nam thời ấy đều phải học tiếng Việt mới có thể tiếp xúc với người Việt Nam. Theo chúng tôi biết thì Lm Francisco de Pina là người Âu châu đầu tiên nói thạo tiếng Việt. Pina sinh năm 1585 ở Bồ Đào Nha, ông tới Đàng Trong năm 1617. Lúc đầu sống ở Hội An, sang năm 1618 ông ở tại Nước Mặn với Buzomi và Borri. Hai năm sau, ông trở lại Hội An, rồi năm 1623, Pina đến ở tại Thanh Chiêm, thủ phủ Quảng Nam Dinh. Pina chết đuối ở bờ bể Quảng Nam ngày 15.12.1625...

Nhờ biết tiếng Việt, nên ngay từ năm 1620, các tu sĩ Dòng Tên tại Hội An đã soạn thảo một sách giáo lý bằng « chữ Đàng Trong », tức là chữ Nôm. Cuốn sách này vì soạn bằng chữ Nôm, nên chắc chắn phải có sự công tác của người Việt.

Nhưng chúng tôi tưởng cuốn sách này cũng được viết bằng chữ Việt mới nửa (chữ quốc ngữ ngày nay), mà người có công soạn thảo là Lm Francisco de Pina, vì lúc đó chỉ có ông là người Âu châu thạo tiếng Việt nhất...

Theo sự nhận xét của chúng tôi thì vào năm 1620 dù Lm Pina đã nói được tiếng Việt, nhưng khó lòng mà phân biệt được lối cách ngữ như chúng ta đang dùng ngày nay. Dựa vào những tài liệu viết tay năm 1621-1626, chúng tôi biết được hầu hết các chữ còn viết liền và chưa thấy đánh dấu vào những chữ đó. Chính dựa theo hai đặc điểm này mà chúng tôi cho là giai đoạn sơ khởi chữ quốc ngữ. (Đỗ Quang Chính, Ibid., tr. 20-24)

Bây tài liệu viết tay đã được trình bày. Đó là những tài liệu của : Joao Roiz năm 1621, Gaspar Luis năm 1621, Cristoforo Borri năm 1621, Đắc Lộ năm 1625, Gaspar Luis năm

1626, Antonio de Fontes năm 1626 và Francesco Buzomi năm 1626. Trong những tài liệu này, các chữ thường được **viết liền và không có đánh dấu**. Thí dụ:

- Annam = An Nam
- Unsai = Ông Sãi
- Ungue = Ông Nghè
- Bafu = Bà Phủ
- doij = đối
- scin mocaij = xin một cái
- Sayc Chiu = Sách chữ
- Tuijciam, Biet = Tôi chẳng biết

### **Giai Đoạn Hai (1631-1648)**

Sang giai đoạn hai 1631-1648, 11 tài-liệu viết tay đã được nhắc đến.

- Hai tài liệu được nhắc đến, nhưng không tìm được tài liệu lưu trữ. Đó là cuốn tự-điển Việt-Bồ-La của linh mục Gaspar d'Amaral (Diccionario anamita-português-latim) và cuốn tự-điển Bồ-Việt (Diccionario português-anamita) của linh mục Antonio Barbosa.
- Năm tài liệu của cha Đắc Lộ, viết vào tháng 1.1631, tháng 5.1631, năm 1636, năm 1644 và năm 1647
- Hai tài liệu của Gaspar d'Amaral năm 1632 và năm 1637
- Hai tài liệu về biên-bản hội-nghị viết tay năm 1645 của 35 linh mục Dòng Tên tại Macao để xác nhận mô thức rửa tội bằng tiếng Việt Nam : năm 1645 và 1648.

Mười một tài liệu này cho thấy chiều hướng mới trong cách viết chữ Quốc Ngữ. Các chữ được **viết cách ra và đã được bỏ dấu**.

Nhiều chữ nhìn tương tự như chữ quốc ngữ ngày nay, nhưng có lỗi đánh vần và bỏ dấu hơi khác

- Thính hoa: Thanh Hóa
- oũ bà phủ: Ông bà Phủ
- huyen: huyện
- sãy: sãi
- Chúa thanh đô (Chúa Thanh đô, Thanh đô vương Trịnh Tráng)
- Chúa cả (Chúa Cả, tước hiệu dành cho Trịnh Tạc)
- Đức Chúa Bìy sinh ra chín đấng thiên thần la cuôn cuốc Đức Chúa Bìy (Đức Chúa Trời sinh ra chín đấng thiên thần là quân quốc Đức Chúa Trời)

Nhiều chữ được viết như chữ quốc ngữ ngày nay. Thí dụ như:

- Nghệ An
  - Bồ Chính
  - Kẻ chợ
  - đàng ngoài
  - một nam, một nữ
- (Đỗ Quang Chính, Ibid. tr. 20-76)

### **LỜI KẾT**

Với hai cuốn sách Tự điển Việt Bồ Latinh và Giáo lý ấn hành năm 1651, cha Đắc Lộ đã chấm dứt thời gian thai nghén và đã làm khai sinh cho chữ quốc ngữ. Dĩ nhiên cha không phải là người duy nhất mà chỉ là một trong nhiều người đã góp phần thành lập chữ quốc ngữ. Nhưng cha là người có công rất nhiều trong việc soạn thảo và xuất bản hai cuốn sách này. Viết « Lời giới thiệu » cho tập khảo cứu « Lịch sử chữ quốc ngữ 1620-1659 » của Đỗ Quang Chính, giáo sư sử học Nguyễn Thế Anh đã nhận định một cách chính đáng rằng : « Để thực hiện công cuộc truyền đạo của họ tại Đại Việt, các giáo sĩ Dòng Tên ngay từ khoảng đầu thế kỷ thứ XVII đã cố gắng tạo nên một lối chữ viết căn cứ trên mẫu tự la tinh, nhờ đó có thể diễn tả

ngôn ngữ Việt. Từ những sự dò dẫm phiên âm các nhân danh và địa danh lúc ban đầu, cho đến lúc Đắc Lộ cho xuất bản hai sách quốc ngữ đầu tiên vào năm 1651, các cố gắng tập thể của các nhà truyền đạo Tây Phương cho phép thành lập chữ viết của chúng ta ngày nay ». (Đỗ Quang Chính, sđd, Lời giới thiệu, tr. 5)

Góp phần sáng tạo chữ quốc ngữ và cho ấn hành hai tác phẩm tiếng Việt đầu tiên, cha Đắc Lộ cũng như các giáo sĩ Dòng Tên chỉ nhắm có hai mục đích : thứ nhất, giúp các nhà truyền giáo học tiếng Việt, để có thể truyền giáo ; thứ hai, để giúp người Việt Nam có thể học thêm La ngữ. Trong mục tiêu thứ hai, chữ quốc ngữ đã được đưa vào chương trình đào tạo các tín hữu Việt nam ưu tú, để đào tạo họ thành thầy giảng và thành linh mục (thời Thừa Sai Hải Ngoại Paris, từ 1666). Đó là lý do khiến, ngay từ buổi đầu, một số tín hữu Việt nam đã thông thạo chữ quốc ngữ và đã viết được những tác phẩm giá trị, như tập « Lịch sử nước Annam » của thầy giảng Bento Thiện, viết tay năm 1659.

Sau cha Đắc Lộ, nhiều giáo sĩ Âu châu tiếp tục công việc nghiên cứu chữ quốc ngữ : Trong lãnh vực tự điển, có rất nhiều tác giả, trong đó phải kể đến Đức cha Bá Đa Lộc (Pierre Pigneaux, évêque d'Adran ; *Vocabularium Anamitico-Latinum* - Pondichéry, 1772. - [70]-729 p. ; 35 cm.) ; Đức cha Taberd Từ (Jean-Louis Taberd ; *Dictionarium latino-anamiticum* ; - Serampore : ex Typis J. C. Marshman, 1838. - LXXXVIII-708-VIII-135 p. ; 28 cm.),...

Trong lãnh vực sách quốc ngữ với những tác phẩm của cha Philipphê Bình, của cố Pierre Cadro Lương, ...chữ quốc ngữ đã mở đầu một nền văn học công giáo.

Chẳng bao lâu sau đó, những nhà văn quốc ngữ đã xuất hiện, như Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của. Rồi sự ra đời vào năm 1865 của tờ báo quốc ngữ đầu tiên ở Nam kỳ, tờ « Gia định báo » ; Từ 1905, chữ quốc ngữ lại được các nho gia cách mạng trong phong trào duy tân Đông Kinh Nghĩa Thục, như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Phan Chu Trinh,... cổ võ và truyền bá. Chẳng bao lâu sau, chữ quốc ngữ đi vào học trình các trường sư phạm, đại học, thông ngôn. Năm 1907, Đông Cổ Tùng Báo ra đời với chủ bút Nguyễn Văn Vĩnh. Nhiều báo khác tiếp theo, như Đông Dương tạp chí với Nguyễn Văn Vĩnh, Nam Phong tạp chí với Phạm Quỳnh ?.... Các nhà in được thiết lập, hội dịch sách ra đời,... Công việc biên khảo và phê bình phát triển,... Các ký sự, tiểu thuyết mới xuất hiện,... Thơ mới ra đời, .. Tự Lực Văn Đoàn,... cả một nền văn học mới đã được chữ quốc ngữ mở ra, mang theo một nền văn hóa mới, đặt căn bản trên tự do và trách nhiệm cá nhân, hướng về tương lai, dựa vào khoa học khách quan, xây dựng quốc gia trên nền tảng công ích, lương thiện, sự thật và công bình. (Xin xem Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử giản ước tân biên*, tập 3 : Văn học hiện đại 1862-1945).

Chuẩn bị năm thánh 2010, đề « Nhìn lại quãng đường lịch sử gần 500 năm truyền giáo qua 3 thời kỳ : 126 năm Bảo Hộ (1533-1659), 300 năm Tông Toà (1659-1960), đặc biệt là 50 năm Chánh Toà (1960-2010) », mọi thành phần Dân Chúa chung lòng chung sức với hàng Giáo phẩm xây dựng một Giáo Hội hiệp thông, Giáo Hội tham gia, và Giáo Hội vì loài người, nhằm tạo thuận lợi cho việc thi hành cách có hiệu quả hơn sứ vụ yêu thương và phục vụ của Chúa Kitô, trong cộng đồng dân tộc cũng như cộng đồng thế giới hôm nay.

Vào Việt Nam từ 1533, công giáo đã mang Tin Mừng cho người Việt Nam. Khai sinh ra chữ quốc ngữ vào năm 1651, công giáo đã đưa ra những đóng góp tạo hình quan trọng của mình vào văn hóa Việt nam.

Paris, ngày 01 tháng 04 năm 2009

Trần Văn Cảnh

## Chuẩn bị NAM THÁNH 2010

### Thư của Đức cha Chủ tịch HĐGM VN về Năm Thánh 2010 của Giáo Hội Việt Nam

(Cập nhật: 25/03/2009 02:25:16)

TÒA GIÁM MỤC ĐÀLẠT  
9 Nguyễn Thái Học  
ĐÀLẠT – LÂM ĐỒNG  
Email : [tgmdalat@gmail.com](mailto:tgmdalat@gmail.com)

Đà Lạt, ngày 19 tháng 3 năm 2009

Kính thưa Đức Hồng y và quý Đức cha,

Ngày 09/9/1659 Đức Thánh Cha Alexander VII thiết lập hai Đại diện Tông Tòa Đàng Trong và Đàng Ngoài sau 125 năm hạt giống Tin Mừng bắt đầu được gieo xuống trên quê hương thân yêu chúng ta. Từ đây Giáo Hội Việt Nam từng bước được phát triển - dù phải trải qua nhiều đau khổ và thử thách, với đông đảo tín hữu anh dũng hy sinh tính mạng vì đức tin.

Ngày 24 tháng 11 năm 1960, Đức Giáo hoàng Gioan XXIII đã ký Sắc chỉ Venerabilium Nostrorum thiết lập Phẩm trật Giáo Hội Công giáo tại Việt Nam, với 3 Tổng giáo phận gồm 20 Giáo phận trong đó có ba Giáo phận mới là Mỹ Tho, Đà Lạt và Long Xuyên.

Tiếp đến, từng bước Giáo Hội Việt Nam có thêm các Giáo phận mới được thiết lập : Đà Nẵng (18/01/1963), Phú Cường, Xuân Lộc (14/10/1965), Ban Mê Thuột (22/6/1967), Phan Thiết (30/01/1975) và Bà Rịa (20/11/2005). Chúng ta cùng dâng lời tạ ơn Chúa !

Nay bước vào dịp mừng 50 năm biến cố lịch sử về việc thiết lập Phẩm trật Giáo Hội Công giáo tại Việt Nam, Cộng đồng Dân Chúa Việt Nam mong muốn cử hành Năm Thánh, "đi từ khởi điểm và chứng nhân đức tin đến tỏa sáng và chia sẻ niềm tin".

Được Hội Đồng Giám Mục ủy nhiệm, ngày 29/9/2008 tôi đã gửi Thư xin Tòa Thánh cho mở Năm mừng Kỷ niệm Kim Khánh và ngày 11/02/2009 Tòa Ân Giải Tối Cao, thừa lệnh Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã gửi Văn thư trả lời về Năm Thánh từ ngày 24/11/2009 đến 02/01/2011.

Nay, xin kính gửi Đức Hồng y và quý Đức cha đề tâng và chuẩn bị cử hành tại quý Giáo phận.

Nhờ lời Thánh Cả Giuse, Bỏ mạng Giáo Hội Việt Nam chuyển cầu, xin Chúa thương ban tràn đầy niềm vui và bình an cho chúng ta.

Kính thư,

+ Phêrô Nguyễn Văn Nhơn  
Giám mục Giáo phận Đà Lạt  
Chủ tịch HĐGM Việt Nam

Nguồn :

<http://v3.hdgmvietnam.org/Default.aspx?tabid=61&ctl=ViewNewsDetail&mid=382&NewsPK=1477>

## Đại hội tu sĩ toàn quốc lần III tại Tòa Giám mục Bùi Chu

(Cập nhật: 12/03/2009 19:20:40)

Nhân dịp mừng kỷ niệm 2000 năm sinh nhật Thánh Phaolô và chuẩn bị hướng đến Năm Đại Thánh 2010 của Giáo Hội Công giáo Việt Nam, Đại hội Tu sĩ Toàn quốc lần III đã được Ủy



ban Tu sĩ thuộc HĐGMVN tổ chức tại Tòa Giám mục từ chiều ngày 09 đến hết ngày 11 tháng 03 năm 2009. Có tất cả 220 tham dự viên đại diện cho 96 Dòng tu, Tu hội, Tu đoàn tông đồ thuộc 26 Giáo phận toàn quốc đã đến tham dự.

Đại hội đã khai mạc chiều ngày 09 tháng 3 năm 2009 với buổi cầu Thánh Thể lúc 17g30 tại nguyện đường Tòa Giám mục Bùi Chu. Tiếp đến là buổi hội diễn văn nghệ chào mừng Đại hội của năm Dòng nữ thuộc Giáo phận Bùi Chu: Dòng Mân Côi, Dòng Mến

Thánh Giá, Dòng Đa Minh, Dòng Thăm Viếng và Dòng Trinh Vương. Hơn 10 tiết mục văn nghệ đã diễn ra hết sức đặc sắc, vui tươi, sáng tạo, đầy ấn tượng và lung linh màu sắc. Những điệu múa mượt mà, những khúc ca hoành tráng, những điệu sáo du dương đầy sâu lắng đã diễn tả tâm tình kính mến Thiên Chúa, tôn vinh Đức Trinh Nữ Maria, lòng yêu mến Mẹ Giáo Hội và quê hương đất nước. Lời ca tiếng hát xen lẫn những điệu múa vui tươi đã đem lại một không gian ấm cúng, đầy màu sắc linh thiêng của những trái tim đã say mê theo Chúa Giêsu trong đời thánh hiến và phục vụ, cho dù sứ mạng loan báo Tin Mừng giữa lòng xã hội Việt hôm nay còn nhiều khó khăn thử thách.

Ngày 10 tháng 03 năm 2009, ngày đầu tiên của Đại hội, Đức cha Giuse Hoàng Văn Tiệm đã chủ sự thánh lễ đồng tế ban sáng và chia sẻ Lời Chúa cho các tham dự viên Đại hội. Với chủ đề thứ nhất về Năm Thánh Phaolô, các tham dự viên lần lượt được nghe 4 bài thuyết trình: (1) Vài nét lịch sử của Thánh Phaolô Tông đồ (Đức cha Giuse Hoàng Văn Tiệm) (2) Việc truyền giáo theo Thánh Phaolô (cha Giuse Phạm Quốc Điềm) (3) Theo dấu chân Thánh Phaolô: Học biết – Yêu mến – Phục vụ Chúa Kitô và Hội Thánh, mong sống tốt hơn ơn gọi và sứ vụ của chúng ta hôm nay (cha Micae Phaolô Trần Minh Huy) (4) Giáo dục Kitô giáo theo tinh thần Thánh Phaolô (cha Giuse Trần Quốc Tuyền). Buổi chiều cùng ngày, các tham dự viên đã dành thì giờ để thảo luận các vấn đề cụ thể đã được các thuyết trình viên gợi ý. Buổi làm việc ngày đầu tiên của Đại hội đã được kết thúc với buổi đọc kinh Mân Côi chung và cầu Thánh Thể ban tối.

Ngày 11 tháng 03 năm 2009, ngày thứ hai của Đại hội, các tham dự viên vui mừng đón tiếp Đức cha Cosma Hoàng Văn Đạt, Giám mục Giáo phận Bắc Ninh, đến chủ sự thánh lễ đồng tế và chia sẻ Lời Chúa cho Đại hội với tư cách là một tu sĩ Dòng Tên. Hướng về việc chuẩn bị mừng Năm Thánh 2010 của Giáo Hội Công Giáo Việt Nam, các tham dự viên tiếp tục nghe các thuyết trình viên chia sẻ về Đề cương Giáo Hội tại Việt Nam: Mâu nhiệm – Hiệp thông – Sứ vụ (cha Emmanuel Nguyễn Hồng Sơn và cha Antôn Hà Văn Minh). Đại Hội cũng lắng nghe cha Antôn Nguyễn Cao Siêu, Dòng Tên, chia sẻ về những kinh nghiệm huấn luyện các tu sĩ trẻ hôm nay. Buổi chiều cùng ngày, các tham dự viên đã dành thì giờ để thảo luận về việc huấn luyện tu sĩ trẻ trong bối cảnh xã hội hiện nay. Đây là một đề tài hết sức thời sự và

thiết thực mà các đại biểu đều quan tâm lắng nghe các thao thức và học hỏi những kinh nghiệm của nhau từ những chia sẻ rất thực tế.

Đại hội Tu sĩ lần III đã kết thúc tốt đẹp lúc 16g00 cùng ngày trong niềm vui sau hai ngày gặp gỡ và làm việc chung với nhau trong bầu khí cởi mở và thân thiện. Cha Tôma Vũ Quang Trung, Giám tỉnh Dòng Tên, đã thay mặt các tham dự viên Đại hội bày tỏ lòng biết ơn đối với Đức cha Giuse Hoàng Văn Tiêm và Ban Tổ chức Đại hội đã chuẩn bị mọi sự hết sức chu đáo cũng như các thuyết trình viên đã chia sẻ các nội dung thuyết trình hết sức phong phú.

Mong Đại hội Tu sĩ lần III tiếp tục sinh nhiều hoa trái tốt đẹp cho các Dòng tu, Tu hội, Tu đoàn tông đồ, góp phần xây dựng cuộc sống thánh hiến của các tu sĩ nam nữ tại Việt Nam mỗi ngày một phong phú và năng động hơn trong sứ mạng phục vụ Hội Thánh và nhân loại.

*Bài Chu 11.03.2009*

**Ánh Sao Xanh**

(**Nguồn: Liên hiệp Bề trên Thượng cấp Việt Nam**)

( Nguồn :

<http://v3.hdgmvietnam.org/Default.aspx?tabid=61&ctl=ViewNewsDetail&mid=382&NewsPK=1460>)

## **“Người thừa sai trên cánh đồng sứ vụ”: Hội thảo của Ủy ban Loan báo Tin Mừng – Hội đồng Giám mục Việt Nam**

(Cập nhật: 25/03/2009 23:04:35)

TPHCM – Từ ngày 23 – 25/3/2009 tại Trung Tâm Văn Hoá-Đức Tin (VHĐT) đã diễn ra cuộc hội thảo về Sứ vụ Truyền giáo do Ủy ban Loan Báo Tin Mừng (LBTM) tổ chức với chủ đề “NGƯỜI THỪA SAI TRÊN CÁNH ĐỒNG SỨ VỤ”.

Các thành viên tham dự gồm các linh mục Trưởng ban LBTM của 26 Giáo phận (GP), đại diện Hội Thừa Sai Việt Nam, đại diện 15 Giáo hạt của TP. HCM, đại diện 33 dòng tu/tu hội/tu đoàn và một số giáo dân. Các linh mục thuộc Đại chủng viện Thánh Giuse TPHCM và các linh mục của Trung tâm Mục vụ Tổng Giáo phận TPHCM cũng được mời tham dự.



Cuộc hội thảo được khai mạc lúc 14g ngày 23/3/2009. Sau khi Cha Đa Minh Ngô Quang Tuyên – Tổng Thư Ký UB.LBTM - giới thiệu thành phần tham dự, dưới sự chủ tọa của Đức Cha Micae Hoàng Đức Oanh, giám mục GP. Kontum - chủ tịch UB.LBTM, và chào mừng vị khách đặc biệt là Đức Cha Giuse Vũ Duy Thống – chủ tịch UB. VHĐT,

chương trình làm việc được bắt đầu với những lời định hướng của Đức Cha chủ tịch:

Truyền giáo là bản chất của Giáo Hội, là bổn phận của mỗi Kitô hữu. Hội thảo này sẽ bàn tới:

1. Rà soát lại công tác truyền giáo những năm vừa qua với những sự kiện và con số cụ thể.



2. Phân tích những nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan, dưới những khía cạnh thực tế thuận lợi và không thuận lợi, những điểm tích cực và tiêu cực, những khả năng và những giới hạn của sứ vụ truyền giáo.

3. Định hướng những việc cụ thể cần làm, trong tương lai.

Lm. TTK trưởng ban tổ chức điều hành diễn tiến các buổi hội thảo. Các thuyết trình viên gồm: Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn – TTK UB Truyền thông Xã hội kiêm TTK UB Bác ái Xã hội phụ trách đề tài 1; Lm. Giuse Trịnh Tín Ý – TTK UB VHĐT trình bày đề tài 2; và Nữ tu Elisabeth Trần Thị Quỳnh Giao, Dòng Phan Sinh Thừa Sai (FMM) với đề tài 3.

Tổng số thành viên tham dự: 130 vị, được chia thành 10 tổ có Tổ trưởng điều hành và thư ký ghi chép biên bản thảo luận. Các thuyết trình viên có khoảng 30 phút để gọi lên những điểm nhấn cần thảo luận tại các tổ. Nhờ đó, các ý kiến được đóng góp thật phong phú, tự nhiên. Sau những giờ thảo luận và đúc kết chung, các hội thảo viên thoải mái giao lưu trong giờ giải lao, nhất là trong 2 bữa cơm trưa tự phục vụ ngày 24 và 25/3/2009.

Tập tài liệu phục vụ cho cuộc hội thảo được in sẵn và phân phối cho các tham dự viên gồm 3 phần:

1/ Giáo huấn của Hội Thánh được trích từ 3 văn kiện: Huấn dụ 1659, Ad Gentes và Evangelii Nuntiandi.

2/ Các bản báo cáo tình hình truyền giáo của các GP, một số GP không gửi báo cáo bằng văn bản nhưng đã gửi hình ảnh minh họa về truyền giáo và Ban tổ chức đã thiết kế thành hơn 20 posters, được trưng bày cho cuộc hội thảo thêm phần sống động và trung thực.

3/ Một số bài tham luận diễn tả chân dung người thừa sai, soi sáng một số vấn đề còn đang được tranh luận hoặc mở ra những hướng mới cho sứ vụ tông đồ.

Ngoài những tài liệu trên còn những tài liệu bổ sung: Tập “Truyền giáo tại Châu Á” rất đặc sắc của Liên Hội Đồng Giám Mục Á Châu (FABC) do Lm. Tổng Thư ký tuyển dịch và thân tặng hội thảo viên cùng một số tài liệu khác của thuyết trình viên.

Một quyết định được công bố: Đức Cha thành lập Ban Thường vụ cho UB. LBTM để làm việc tông đồ hiệu quả hơn. Ban Thường vụ sẽ gồm Đức Cha, Cha TTK, 3 linh mục đại diện 3 miền (cụ thể: cha Xuân Lâm GP. Hà Nội – cha Minh Hào GP. Ban Mê Thuột – cha Xuân Thảo GP. Xuân Lộc); 3 – 4 tu sĩ đại diện các Dòng Tu (cụ thể: chị Quỳnh Giao, Phan Sinh Thừa Sai – chị Oanh, Đa Minh – chị Gìn, Đức Bà Truyền giáo – Thầy Tân, Dòng Tên) và 3 giáo dân (cụ thể: ông Vũ Sinh Hiên – chị Ngọc Thủy Gx. Vĩnh Sơn – ông Đỗ Văn Lộc, nhóm Gia Đình cùng theo Chúa). Tổng cộng 11 – 12 người. Ngài cũng nhấn mạnh đến việc mở thêm các giáo điểm, lập các Ban Truyền giáo tại mỗi giáo xứ, phát động mạnh hơn phong trào đọc kinh gia đình, dùng một Kinh Truyền giáo chung trong cả nước (cụ thể là Kinh Truyền giáo của GP. Tp. HCM, đã có imprimatur của Đức Hồng Y), và in thật nhiều sách Kinh Thánh. Ngài cũng cho rằng những vấn đề trên cần được bàn thêm thật kỹ nhằm đạt hiệu quả tối đa.

Nói về bầu khí thiêng liêng, cuộc hội thảo đã được đặt dưới ánh sáng của Lời Chúa: khai mạc cuộc hội thảo là nghi thức cung nghinh Lời Chúa. Mỗi tổ trước khi bước vào thảo luận đều đọc đoạn Kinh Thánh soi sáng cho vấn đề cần thảo luận. Ngày kết thúc thảo luận 25/3 (lễ Truyền Tin) Cha Tổng Thư ký hướng dẫn lần chuỗi Mân Côi Mầu Nhiệm thứ nhất “Chúa Nhập Thể” là khởi đầu Tin Mừng vào trần gian, và Mẹ Maria gìn giữ, chia sẻ Tin Mừng ấy trong tinh thần khiêm tốn – yêu thương – dân thân, là mẫu gương người thừa sai.

Buổi chiều, Cha Tổng Thư ký nồng nhiệt cảm ơn Đức Hồng Y, 2 Đức Cha phụ tá GP. TP. HCM, đã nhiệt tình hỗ trợ cho cuộc hội thảo, sau đó ngài hướng dẫn các thành viên quy tụ quanh vị Giám Mục chủ tịch UB. LBTM để lắng nghe huấn dụ cuối cùng, và cùng nhau đọc

kinh Tin Kính tuyên xưng Đức Tin và lãnh phép lành trước khi dùng bữa trưa chia tay với bài ca “Ra về trong hi vọng và mừng vui ! Ra về trong an bình của Thiên Chúa ....”

Ban Thư ký UB. LBTM

(nguồn

<http://v3.hdgmvietnam.org/Default.aspx?tabid=61&ctl=ViewNewsDetail&mid=382&NewsPK=1481>)